

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẮC KẠN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 21/2021/HS-ST
Ngày 21/5/2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC KẠN

- T phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Vi Thị T Mai**.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà **Ngô Thị Hoanh;**

Bà **Đặng Thị Xuân;**

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Hảo** - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Kạn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Kạn tham gia phiên tòa: Ông **Mai Duy Định** - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 20, 21 tháng 5 năm 2021, tại Hội trường xét xử, Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Kạn xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 08/2021/TLST-HS ngày 05 tháng 02 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 16/2020/QĐXXST-HS ngày 13 tháng 4 năm 2021 đối với bị cáo:

Xuân Quang H (*Tên gọi khác: Không*), sinh ngày 05/8/1981 tại P - Thái Nguyên; Nơi ĐKKTT và chỗ ở: Xóm N, xã C, huyện P, tỉnh Thái Nguyên; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: Lớp 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Con ông Xuân Ngọc H và bà Trương Thị H; Vợ H Thị D, có 01 con sinh năm 2015; Tiền án, tiền sự: Không; Về nhân thân: Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 75/2020/HSST ngày 19/8/2020 của Tòa án nhân dân huyện S, tỉnh Tuyên Quang xử phạt bị cáo 05 năm tù về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản", tại Bản án phúc thẩm số 35/2020/HSPT ngày 23/11/2020 Tòa án nhân dân tỉnh Tuyên Quang giữ nguyên mức hình phạt của bản án sơ thẩm.

Hiện bị cáo đang chấp hành án tại Trại giam Quyết Tiến, tỉnh Tuyên Quang, có mặt tại phiên tòa.

*** Các bị hại:**

1. Ông Nguyễn Anh T, sinh năm 1974; HKTT: Thôn P, xã P, huyện C, Tp. Hà Nội; Tạm trú tại Thôn Đ, xã Q, huyện C, tỉnh Bắc Kạn. Vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

2. Ông Hoàng Chu B, sinh năm 1985; Trú tại: Thôn C, xã Q, huyện C, tỉnh Bắc Kạn. Vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

3. Bà Lê Thị N, sinh năm 1987; Trú tại: Thôn N, xã T, huyện C, tỉnh Bắc Kạn. Vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.
4. Ông Phạm Văn H, sinh năm 1978; Trú tại: Thôn Đ, xã Q, huyện C, tỉnh Bắc Kạn. Vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.
5. Ông Hoàng Đình T, sinh năm 1985; Trú tại: Thôn B, xã X, huyện N, tỉnh Bắc Kạn. Vắng mặt, đề nghị xét xử vắng mặt.
6. Ông Hoa Văn T, sinh năm 1977; Trú tại: Thôn K, xã L, huyện N, tỉnh Bắc Kạn. Vắng mặt, đề nghị xét xử vắng mặt.
7. Ông Hoàng Văn T, sinh năm 1994; Trú tại: Thôn Thôn B, xã X, huyện N, tỉnh Bắc Kạn. Vắng mặt, đề nghị xét xử vắng mặt.
8. Ông Hoa Đình G, sinh năm 1981; Trú tại: Thôn K, xã L, huyện N, tỉnh Bắc Kạn. Vắng mặt, đề nghị xét xử vắng mặt.
9. Ông Hoa Đình T, sinh năm 1982; Trú tại: Thôn K, xã L, huyện N, tỉnh Bắc Kạn. Vắng mặt, đề nghị xét xử vắng mặt.
10. Ông Lý Ngọc T, sinh năm 1972; Trú tại: Thôn K, xã D, huyện N, tỉnh Bắc Kạn. Vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.
11. Ông Dương Văn T, sinh năm 1968; Trú tại: Thôn Đ, xã Q, huyện C, tỉnh Bắc Kạn. Có mặt ngày xét xử, vắng mặt ngày tuyên án.
12. Ông Nguyễn Ngọc K, sinh năm 1976; Trú tại: Xóm V, xã V, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên. Vắng mặt, đề nghị xét xử vắng mặt.
13. Ông Lương Văn D, sinh năm 1995; Trú tại: Thôn K, xã L, huyện N, tỉnh Bắc Kạn. Vắng mặt, đề nghị xét xử vắng mặt.
14. Ông Lương Văn B, sinh năm 1974; Trú tại: Thôn K, xã L, huyện N, tỉnh Bắc Kạn. Vắng mặt, đề nghị xét xử vắng mặt.
15. Ông Ma Văn S, sinh năm 1965; Trú tại: Thôn B, xã Q, huyện C, tỉnh Bắc Kạn. Vắng mặt, đề nghị xét xử vắng mặt.
16. Ông Dương Văn B, sinh năm 1968; Trú tại: Thôn L, xã q, huyện C, tỉnh Bắc Kạn. Vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.
17. Ông Lường Đình Đ, sinh năm 1992; Trú tại: Thôn Đ, xã Q, huyện C, tỉnh Bắc Kạn. Có mặt ngày xét xử, vắng mặt ngày tuyên án.
18. Ông Lường Đình Đ1, sinh năm 1988; Trú tại: Thôn Đ, xã Q, huyện C, tỉnh Bắc Kạn. Có mặt ngày xét xử, vắng mặt ngày tuyên án.
19. Ông Dương Văn K, sinh năm 1985; Trú tại: Thôn l, xã Q, huyện C, tỉnh Bắc Kạn. Vắng mặt, đề nghị xét xử vắng mặt.
20. Ông Hoàng Văn S, sinh năm 1964; Trú tại: Thôn c, xã y, huyện C, tỉnh Bắc Kạn. Vắng mặt, đề nghị xét xử vắng mặt.

21. Bà Nguyễn Thị Minh P, sinh năm 1980; Trú tại: Thôn n, thị trấn đ, huyện C, tỉnh Bắc Kạn. Vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.
22. Ông Vũ Văn N, sinh năm 1977; Trú tại: Thôn N, thị trấn Đ, huyện C, tỉnh Bắc Kạn. Vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.
23. Bà Lương Thị T, sinh năm 1991; Trú tại: Thôn N, xã T, huyện C, tỉnh Bắc Kạn. Vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.
24. Ông Hoa Văn K, sinh năm 1985; Trú tại: Thôn K, xã L, huyện N, tỉnh Bắc Kạn. Vắng mặt, đề nghị xét xử vắng mặt.
25. Ông Lưu Văn L, sinh năm 1972; Trú tại: Thôn B, xã Q, huyện C, tỉnh Bắc Kạn. Vắng mặt, đề nghị xét xử vắng mặt.
26. Ông Ma Văn T, sinh năm 1986; Trú tại: Thôn C, xã C, huyện C, tỉnh Bắc Kạn. Có mặt ngày xét xử, vắng mặt ngày tuyên án.
27. Ông Hoàng Văn N, sinh năm 1983; Trú tại: Thôn K, xã Y, huyện C, tỉnh Bắc Kạn. Vắng mặt, đề nghị xét xử vắng mặt.
28. Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1985; Trú tại: Thôn C, xã T, huyện C, tỉnh Bắc Kạn. Có mặt ngày xét xử, vắng mặt ngày tuyên án.
29. Ông Triệu Sinh L, sinh năm 1974; Trú tại: Thôn K, xã Y, huyện C, tỉnh Bắc Kạn. Vắng mặt, đề nghị xét xử vắng mặt.
30. Ông Lưu Văn D sinh năm 1982; Trú tại: Thôn N, xã Q, huyện C, tỉnh Bắc Kạn. Vắng mặt, đề nghị xét xử vắng mặt.
31. Bà Trương Thị T, sinh năm 1979; Trú tại: Thôn Đ, xã Q, huyện C, tỉnh Bắc Kạn. Có mặt ngày xét xử, vắng mặt ngày tuyên án.
32. Bà Triệu Thị T, sinh năm 1984; Trú tại: Thôn Đ, xã Q, huyện C, tỉnh Bắc Kạn. Vắng mặt, đề nghị xét xử vắng mặt.
33. Bà Trần Thị T, sinh năm 1980; Trú tại: Thôn C, xã T, huyện C, tỉnh Bắc Kạn. Có mặt ngày xét xử, vắng mặt ngày tuyên án.
34. Bà Nguyễn Mỹ L, sinh năm 1993; Trú tại: Thôn S, xã N, huyện C, tỉnh Bắc Kạn. Có mặt ngày xét xử, vắng mặt ngày tuyên án.
35. Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1974; Trú tại: Thôn S, xã N, huyện C, tỉnh Bắc Kạn. Có mặt ngày xét xử, vắng mặt ngày tuyên án.
36. Ông Ma Văn B, sinh năm 1966; Trú tại: Thôn B, xã C, huyện C, tỉnh Bắc Kạn. Có mặt ngày xét xử, vắng mặt ngày tuyên án.
37. Ông Ma Văn H, sinh năm 1987; Trú tại: Thôn N, xã Y, huyện C, tỉnh Bắc Kạn. Vắng mặt, đề nghị xét xử vắng mặt.
38. Ông Hoàng Văn N1, sinh năm 1967; Trú tại: Thôn K, xã L, huyện N, tỉnh Bắc Kạn. Vắng mặt, đề nghị xét xử vắng mặt.
39. Ông Dương Văn T1, sinh năm 1981; Trú tại: Thôn L, xã Q, huyện C, tỉnh Bắc Kạn. Có mặt ngày xét xử, vắng mặt ngày tuyên án.

40. Ông Triệu Hữu T, sinh năm 1982; Trú tại: Thôn Đ, xã Q, huyện C, tỉnh Bắc Kạn. Vắng mặt, đề nghị xét xử vắng mặt.

41. Ông Lường Văn L, sinh năm 1989; Trú tại: Thôn L, xã Q, huyện C, tỉnh Bắc Kạn. Vắng mặt, đề nghị xét xử vắng mặt.

42. Ông Bùi Sỹ T, sinh năm 1987; Trú tại: Thôn B, xã Q, huyện C, tỉnh Bắc Kạn. Vắng mặt, đề nghị xét xử vắng mặt.

43. Ông Lộc Văn T, sinh năm 1989; Trú tại: Xóm K, xã Y, huyện P, tỉnh Thái Nguyên. Vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

44. Ông Trung Văn N, sinh năm 1987; Trú tại: Thôn N, xã Q, huyện C, tỉnh Bắc Kạn. Vắng mặt.

45. Ông Dương Văn C, sinh năm 1974; Trú tại: Thôn Đ, xã Q, huyện C, tỉnh Bắc Kạn. Vắng mặt, đề nghị xét xử vắng mặt.

46. Ông Ninh Văn D, sinh năm 1987; Trú tại: Xóm Đ, xã Y, huyện P, tỉnh Thái Nguyên. Có mặt ngày xét xử, vắng mặt ngày tuyên án.

47. Ông Ninh Văn L, sinh năm 1985; Trú tại: Xóm Đ, xã Y, huyện P, tỉnh Thái Nguyên. Vắng mặt, đề nghị xét xử vắng mặt.

48. Ông Hoàng Văn C, sinh năm 1983; Trú tại: Thôn K, xã Y, huyện C, tỉnh Bắc Kạn. Vắng mặt không lý do.

49. Ông Hứa Văn N, sinh năm 1992; Trú tại: Thôn K, xã Y, huyện C, tỉnh Bắc Kạn. Vắng mặt không lý do.

**** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:***

1. Ông Triệu Hữu Đ, sinh năm 1981; Trú tại: Thôn K, xã Y, huyện C, tỉnh Bắc Kạn. Vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

2. Ông Triệu Hữu M, sinh năm 1989; Trú tại: Thôn K, xã Y, huyện C, tỉnh Bắc Kạn. Vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

3. Ông Hoàng Văn T1, sinh năm 1983; Trú tại: Thôn K, xã L, huyện N, tỉnh Bắc Kạn. Vắng mặt, đề nghị xét xử vắng mặt.

4. Ông Xuân Việt B sinh năm 1985; Trú tại: Tổ 19, phường G, T phố T, tỉnh Thái Nguyên. Có mặt.

**** Người làm chứng:***

1. Ông Phạm Hữu T, sinh năm 1955; Trú tại: Thôn Đ, xã Q, huyện C, tỉnh Bắc Kạn. Vắng mặt, đề nghị xét xử vắng mặt.

2. Ông Hoàng Văn L, sinh năm 1936; Trú tại: Thôn K, xã L, huyện N, tỉnh Bắc Kạn. Vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

3. Bà Nông Thị E, sinh năm 1937; Trú tại: Thôn K, xã L, huyện N, tỉnh Bắc Kạn. Vắng mặt, đề nghị xét xử vắng mặt.

4. Ông Lý Văn V, sinh năm 1976; Trú tại: Thôn C, xã T, huyện C, tỉnh Bắc Kạn. Vắng mặt, đề nghị xét xử vắng mặt.

5. Bà Ma Thị N, sinh năm 1987; Trú tại: Thôn B, xã Q, huyện C, tỉnh Bắc Kạn. Vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

6. Bà Lộc Thị T, sinh năm 1986; Trú tại: Thôn B, xã C, huyện C, tỉnh Bắc Kạn. Có mặt.

7. Bà Triệu Thị T, sinh năm 1983; Trú tại: Thôn K, xã Y, huyện C, tỉnh Bắc Kạn. Vắng mặt, đề nghị xét xử vắng mặt.

8. Bà Dương Thị N, sinh năm 1975; Trú tại: Thôn K, xã Y, huyện C, tỉnh Bắc Kạn. Vắng mặt, đề nghị xét xử vắng mặt.

9. Ông Đỗ Thanh H; Trú tại: Thôn S, xã N, huyện C, tỉnh Bắc Kạn. Vắng mặt, đề nghị xét xử vắng mặt.

10. Ông Phạm Văn V, sinh năm 1976; Trú tại: Thôn Đ, xã Q, huyện C, tỉnh Bắc Kạn. Vắng mặt

11. Ông Ninh Đại X, sinh năm 1976; Trú tại: Thôn Đ, xã Y, huyện P, tỉnh Thái Nguyên. Vắng mặt

12. Ông Trần Anh T, sinh năm 1976; Trú tại: Xóm Đ, xã Y, huyện P, tỉnh Thái Nguyên. Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trong khoảng thời gian từ tháng 4 năm 2019 đến tháng 9 năm 2019, dù không phải là giáo viên dạy lái xe ô tô của cơ sở đào tạo lái xe nhưng Xuân Quang H, sinh năm 1981, trú tại Xóm N, xã C, huyện P, tỉnh Thái Nguyên vẫn một mình đi đến các xã thuộc huyện N và huyện C, tỉnh Bắc Kạn đưa ra thông tin bản thân là giáo viên dạy lái xe ô tô thuộc các cơ sở đào tạo lái xe ô tô của tỉnh Thái Nguyên, có khả năng đào tạo học viên đủ điều kiện để thi sát hạch cấp giấy phép lái xe ô tô tại tỉnh Thái Nguyên. Sau khi nghe H giới thiệu, một số người dân có nhu cầu học B lái xe ô tô hạng B2 và hạng C đã tin tưởng đăng ký học lái xe và nộp tiền học phí cho H theo mức cụ thể của từng hạng mà H đưa ra là: 8.500.000đ (*Tám triệu năm trăm nghìn đồng*) đối với B lái xe hạng B2 (có thể nộp trước 6.500.000đ, sau khi có B lái xe sẽ nộp nốt 2.000.000đ) và 11.500.000đ (*Mười một triệu năm trăm nghìn đồng*) đối với B lái xe hạng C (có thể nộp trước 9.500.000đ, sau khi có B lái xe sẽ nộp nốt 2.000.000đ). Sau khi có một số người đăng ký tham gia học và nộp tiền thì H yêu cầu cung cấp ảnh chân dung, photo chứng minh thư nhân dân, ký đơn xin học lái xe và một số giấy tờ trong bộ hồ sơ học lái xe, sau đó H sử dụng xe ô tô cá nhân nhãn hiệu MeKong, biển kiểm soát: 14L-2524 để dạy lái xe một số buổi cho những người đã đăng ký học và nộp tiền cho H tại các địa điểm gồm: sân bóng Thôn Đ, xã Q, huyện C; chợ xã Q; sân UBND xã Y; sân bóng thuộc xã T, huyện C; sân UBND xã L, huyện N, tỉnh Bắc Kạn.

Đến cuối tháng 9/2019, một số người dân không thấy H đưa xe ô tô đến để tiếp tục dạy lái đã gọi điện thoại cho Xuân Quang H nH không liên lạc được nên đã làm đơn tố cáo H về hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản.

Cơ quan điều tra đã xác minh, thu thập tài liệu và xác định: Ngày 20/9/2019 Xuân Quang H bị Cơ quan CSĐT Công an huyện S, tỉnh Tuyên Quang khởi tố bị can và bắt tạm giam về tội: Lừa đảo chiếm đoạt tài sản, cùng với thủ đoạn vận động nhiều người ở địa bàn huyện S đăng ký học lái xe ô tô và nhận tiền học phí như trên.

Đối với số tiền học phí của những người đăng ký học lái xe tại huyện N và huyện C, tỉnh Bắc Kạn đã nộp, H không làm thủ tục đăng ký học và không nộp tiền vào các cơ sở đào tạo lái xe như thông tin ban đầu H đưa ra, mà sử dụng số tiền đó vào mục đích cá nhân, cụ thể: sử dụng 90.000.000đ (*Chín mươi triệu đồng*) để trả cho em trai là Xuân Việt B, sinh năm 1985, trú tại tổ 19, phường G, T phố T, tỉnh Thái Nguyên do trước đó H vay để mua xe ô tô MeKong biển kiểm soát 14L-2524, số tiền còn L H sử dụng làm chi phí đi L và dạy lái xe ô tô tại huyện N và huyện C.

Cơ quan điều tra đã tiếp nhận đơn tố giác của 52 trường hợp đã đăng ký học lái xe ô tô và nộp tiền học phí cho Xuân Quang H. Kết thúc điều tra xác định H đã thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tiền của 49 người, gồm: 21 người đăng ký học và thi sát hạch cấp giấy phép lái xe ô tô hạng B2 và 28 người đăng ký học và thi sát hạch cấp giấy phép lái xe ô tô hạng C. Tổng số tiền Xuân Quang H đã chiếm đoạt của 49 người là: **238.000.000đ** (*Hai trăm ba mươi tám triệu đồng*). Cụ thể như sau:

*Có 29 người đưa tiền (trong đó theo thứ tự số 21 có 02 người là vợ, chồng) trực tiếp hoặc chuyển tiền qua tài khoản cho Xuân Quang H, phù hợp với lời khai của H và các tài liệu chứng cứ khác mà Cơ quan điều tra đã thu thập được, xác định số tiền chiếm đoạt là 214.500.000đ (*Hai trăm mười bốn triệu năm trăm nghìn đồng*) gồm:

1. Ngày 24/5/2019, ông Nguyễn Anh T, sinh năm 1974, trú tại Thôn P, xã P, huyện C, Hà Nội, tạm trú tại Thôn Đ, xã Q, huyện C, tỉnh Bắc Kạn: Đăng ký học giấy phép lái xe ô tô hạng B2 thông qua tài khoản ngân hàng của vợ là bà Đinh Thị T đã chuyển số tiền 8.000.000đ (*Tám triệu đồng*) vào tài khoản BIDV số 39010000662014 của Xuân Quang H và được H dạy học lái xe ô tô 01 buổi.

2. Ngày 09/5/2019, ông H Chu B, sinh năm 1985, trú tại Thôn C, xã Q, huyện C, tỉnh Bắc Kạn: Đăng ký học giấy phép lái xe ô tô hạng B2, đưa cho Xuân Quang H số tiền 4.000.000đ (*Bốn triệu đồng*) tại phòng làm việc của ông Lưu Văn D, sinh năm 1982 - Phó Chủ tịch UBND xã Q, huyện C, tỉnh Bắc Kạn. Ngày 18/5/2019 và 16/6/2019 ông B tiếp tục chuyển khoản vào tài khoản của H 02 lần, mỗi lần 1.000.000đ (*Một triệu đồng*). H thừa nhận được nhận số tiền 6.000.000đ (*Sáu triệu đồng*) phù hợp với lời khai của ông B.

3. Ngày 26/7/2019, bà Lê Thị N, sinh năm 1987, trú tại Thôn N, xã T, huyện C, tỉnh Bắc Kạn: Đăng ký học giấy phép lái xe ô tô hạng C, chuyển khoản số tiền 3.000.000đ (*Ba triệu đồng*) vào tài khoản ngân hàng AGRIBANK số 8503205091683 của Xuân Quang H. Bà N được H trực tiếp dạy lái xe ô tô nhiều buổi, trong quá trình học thì bà N đã đưa trực tiếp cho H thêm số tiền 6.500.000đ (*Sáu triệu năm trăm nghìn đồng*). Xuân Quang H thừa nhận được nhận số tiền 9.500.000đ (*Chín triệu năm trăm nghìn đồng*) phù hợp với lời khai của bà N.

4. Ngày 20/5/2019, ông Phạm Văn H, sinh năm 1978, trú tại Thôn Đ, xã Q, huyện C, tỉnh Bắc Kạn: Đăng ký học giấy phép lái xe ô tô hạng B2, chuyển khoản số tiền 4.000.000đ (*Bốn triệu đồng*) vào tài khoản ngân hàng AGRIBANK số 8503205091683 cho Xuân Quang H. Ngày 27/5/2019, ông Phạm Văn H tiếp tục chuyển khoản cho H số tiền 2.500.000đ (*Hai triệu năm trăm nghìn đồng*), sau đó ông Phạm Văn H được Xuân Quang H trực tiếp dạy lái xe nhiều buổi. Xuân Quang H thừa nhận được nhận số tiền 6.500.000đ (*Sáu triệu năm trăm nghìn đồng*) phù hợp với lời khai của ông H.

5. Ngày 04/9/2019, ông Hoàng Đình T, sinh năm 1985, trú tại Thôn B, xã X, huyện N, tỉnh Bắc Kạn: Đăng ký học giấy phép lái xe ô tô hạng C, đến cửa hàng điện thoại Hoàng Mạnh Hải thuộc thôn C, xã X nhờ H chuyển khoản số tiền 6.000.000đ (*Sáu triệu đồng*) vào tài khoản ngân hàng Viettinbank số 109005142414 của Xuân Quang H. Ngày 09/9/2019, ông T tiếp tục nhờ ông H chuyển khoản số tiền 3.500.000đ (*Ba triệu năm trăm nghìn đồng*) vào tài khoản của Xuân Quang H.

6. Ngày 06/8/2019, ông Hoa Văn T, sinh năm 1977, trú tại Thôn K, xã L, huyện N, tỉnh Bắc Kạn: Đăng ký học giấy phép lái xe ô tô hạng C, cùng ông Hoa Văn K, sinh năm 1985, trú cùng thôn nhờ bà Bé Thị N là nhân viên điểm Bưu điện văn hóa xã L chuyển khoản số tiền 9.500.000đ (*Chín triệu năm trăm nghìn đồng*) (lấy tên người chuyển là ông K) vào tài khoản ngân hàng AGRIBANK số 8503205091683 của Xuân Quang H. Sau đó ông T được H trực tiếp dạy lái xe ô tô khoảng 04 buổi.

7. Ngày 25/8/2019, ông H Văn T, sinh năm 1994, trú tại Thôn B, xã X, huyện N, tỉnh Bắc Kạn: Đăng ký học giấy phép lái xe ô tô hạng C, chuyển khoản số tiền 8.000.000đ (*Tám triệu đồng*) vào tài khoản ngân hàng BIDV số 39010000662014 của Xuân Quang H; sau đó khoảng một tuần thì Thuởng trực tiếp đưa cho H 1.500.000đ (*Một triệu năm trăm nghìn đồng*) tại nhà ông H Văn N, sinh năm 1983, trú tại thôn K, xã Y, huyện C, tỉnh Bắc Kạn.

8. Ngày 05/8/2019, ông Hoa Đình G, sinh năm 1981, trú tại Thôn K, xã L, huyện N, tỉnh Bắc Kạn: Đăng ký học giấy phép lái xe ô tô hạng C, cùng ông Hoa Văn K, sinh năm 1985, trú cùng thôn nhờ bà Bé Thị N là nhân viên điểm Bưu điện văn hóa xã L chuyển khoản số tiền 9.500.000đ (*Chín triệu năm trăm nghìn đồng*) (lấy tên người gửi là ông K) vào tài khoản ngân hàng AGRIBANK

số 8503205091683 của Xuân Quang H. Sau đó ông Giáp được H trực tiếp dạy lái xe ô tô nhiều buổi, H thừa nhận được nhận số tiền 9.500.000đ của ông Giáp.

9. Ngày 05/8/2019, ông Hoàng Đình T, sinh năm 1982, trú tại Thôn K, xã L, huyện N, tỉnh Bắc Kạn: Đăng ký học giấy phép lái xe ô tô hạng C, cùng ông Hoa Văn K, sinh năm 1985, trú cùng thôn nhờ bà Bé Thị N là nhân viên điểm Bưu điện văn hóa xã L chuyển khoản số tiền 9.500.000đ (*Chín triệu năm trăm nghìn đồng* - lấy tên người gửi là ông K) vào tài khoản ngân hàng AGRIBANK số 8503205091683 của Xuân Quang H. Sau đó ông Thìn được H trực tiếp dạy lái xe ô tô nhiều buổi, H thừa nhận được nhận số tiền 9.500.000đ của ông T.

10. Ngày 16/9/2019, ông Lý Ngọc T, sinh năm 1972, trú tại Thôn K, xã D, huyện N, tỉnh Bắc Kạn: Đăng ký học giấy phép lái xe ô tô hạng C, chuyển khoản số tiền 9.500.000đ (*Chín triệu năm trăm nghìn đồng*) vào tài khoản ngân hàng AGRIBANK số 8503205091683 của Xuân Quang H. H thừa nhận được nhận số tiền 9.500.000đ của ông T.

11. Ngày 21/6/2019, ông Dương Văn T, sinh năm 1968, trú tại Thôn Đ, xã Q, huyện C, tỉnh Bắc Kạn: Đăng ký học giấy phép lái xe ô tô hạng B2, trực tiếp đưa cho Xuân Quang H số tiền 6.500.000đ (*Sáu triệu năm trăm nghìn đồng*) tại nhà ông T, quá trình đưa tiền có vợ của T là bà Trần Thị P, sinh năm 1973 chứng kiến. Sau đó ông T được H dạy lái xe ô tô 02 buổi, H thừa nhận được nhận số tiền 6.500.000đ của ông T.

12. Ngày 20/5/2019, ông Nguyễn Ngọc K, sinh năm 1976, trú tại Xóm V, xã V, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên: Đăng ký học giấy phép lái xe ô tô hạng C, trực tiếp đưa cho Xuân Quang H số tiền 6.000.000đ (*Sáu triệu đồng*) tại đường Quốc lộ 3 mới thuộc thôn L, xã Q, huyện C, quá trình đưa tiền có anh Lưu Bích T, sinh năm 1986, trú cùng thôn đi cùng chứng kiến. Sau đó một thời gian (không nhớ thời gian cụ thể) thì K tiếp tục đưa cho Xuân Quang H số tiền 3.000.000đ (*Ba triệu đồng*) tại sân bóng Thôn Đ, xã Q, huyện C và được H trực tiếp dạy lái xe ô tô nhiều buổi. H thừa nhận được nhận số tiền 9.000.000đ (*Chín triệu đồng*) phù hợp với lời khai của ông K.

13. Ngày 29/7/2019, ông Lương Văn D, sinh năm 1995, trú tại Thôn K, xã L, huyện N, tỉnh Bắc Kạn: Đăng ký học giấy phép lái xe ô tô hạng C, trực tiếp đưa cho Xuân Quang H số tiền 9.500.000đ (*Chín triệu năm trăm nghìn đồng*) tại quán nước thuộc ngã ba xã Yên Đình (nay là thị trấn Đ) huyện C, tỉnh Bắc Kạn, quá trình đưa tiền có các ông: Lương Văn Bắc, H Văn N, và H Văn T đi cùng chứng kiến. Sau đó ông D được H trực tiếp dạy lái xe ô tô được khoảng 04 buổi. H chỉ thừa nhận được nhận của ông D số tiền 500.000đ (*Năm trăm nghìn đồng*). Căn cứ tài liệu điều tra thu thập được tại thời điểm ông D đưa tiền cho H có các ông B, N, T chứng kiến và xác nhận đúng số tiền ông D đã đưa cho H là 9.500.000đ. Do đó, xác định Xuân Quang H đã chiếm đoạt của ông Lương Văn D số tiền là 9.500.000đ (*Chín triệu năm trăm nghìn đồng*).

14. Ngày 29/7/2019, ông Lương Văn B, sinh năm 1974, trú tại Thôn K, xã L, huyện N, tỉnh Bắc Kạn: Đăng ký học giấy phép lái xe ô tô hạng C, trực tiếp đưa cho Xuân Quang H số tiền 9.500.000đ (*Chín triệu năm trăm nghìn đồng*) tại quán nước thuộc ngã ba xã Yên Đình (nay là thị trấn Đ) huyện C, tỉnh Bắc Kạn, quá trình đưa tiền có các ông: Lương Văn D, H Văn N và H Văn Tiếp đi cùng chứng kiến. Sau đó ông B được H trực tiếp dạy lái xe ô tô được khoảng 04 buổi. Xuân Quang H thừa nhận được nhận của ông B số tiền 1.000.000đ (*Một triệu đồng*), tuy nhiên tại thời điểm ông B đưa tiền cho H có các ông D, N, Tiếp chứng kiến và xác nhận đúng số tiền ông B đã đưa cho H là 9.500.000đ. Vì vậy, xác định Xuân Quang H đã chiếm đoạt của ông Lương Văn B số tiền là 9.500.000đ (*Chín triệu năm trăm nghìn đồng*).

15. Khoảng tháng 5/2019, ông Ma Văn S, sinh năm 1965, trú tại thôn B, xã Q, huyện C, tỉnh Bắc Kạn: Đăng ký học giấy phép lái xe ô tô hạng B2, trực tiếp đưa cho Xuân Quang H số tiền 4.000.000đ (*Bốn triệu đồng*) tại phòng làm việc của ông D, sinh năm 1982 là Phó Chủ tịch UBND xã Q, huyện C, khi đưa tiền có ông D, ông Dương Văn K, sinh năm 1995, trú tại thôn L, xã Q, huyện C, ông H Chu B, sinh năm 1985, trú tại thôn Con Kiến, xã Q; ông Dương Văn B, sinh năm 1968, trú tại thôn Làng Điện, xã Q biết và chứng kiến. Khoảng 20 ngày sau, ông S trực tiếp đưa cho H thêm số tiền 2.500.000đ (*Hai triệu năm trăm nghìn đồng*) tại cổng chợ xã Q, huyện C, khi đưa tiền có ông Dương Văn B, sinh năm 1968, trú tại thôn L, xã Q đi cùng và chứng kiến. Sau đó ông S được H trực tiếp dạy lái xe ô tô được khoảng 05 buổi. H chỉ thừa nhận được nhận của ông S số tiền 2.000.000đ (*Hai triệu đồng*). Căn cứ tài liệu điều tra thu thập được và lời khai của người chứng kiến xác nhận đúng số tiền ông S đã đưa cho H là 6.500.000đ. Do đó, xác định Xuân Quang H đã chiếm đoạt của ông Ma Văn S số tiền là 6.500.000đ (*Sáu triệu năm trăm nghìn đồng*).

16. Khoảng tháng 5/2019, ông Dương Văn B, sinh năm 1968, trú tại thôn Làng Điện, xã Q, huyện C, tỉnh Bắc Kạn: Đăng ký học giấy phép lái xe ô tô hạng B2, trực tiếp đưa cho Xuân Quang H số tiền 4.000.000đ (*Bốn triệu đồng*) tại phòng làm việc của ông D, Phó Chủ tịch UBND xã Q, huyện C, khi đưa tiền có ông D, ông Dương Văn K, ông H Chu B, ông Ma Văn S biết và chứng kiến. Khoảng 20 ngày sau, ông B tiếp tục đưa trực tiếp cho H số tiền 2.500.000đ (*Hai triệu năm trăm nghìn đồng*) tại cổng chợ xã Q, huyện C, khi đưa tiền có ông Ma Văn S đi cùng và chứng kiến. Sau đó ông B được H trực tiếp dạy lái xe ô tô được khoảng 05 buổi, Xuân Quang H thừa nhận được nhận số tiền 6.500.000đ (*Sáu triệu năm trăm nghìn đồng*) phù hợp với lời khai của ông B.

17. Ngày 25/6/2019, ông Lường Đình Đ, sinh năm 1992, trú tại Thôn Đ, xã Q, huyện C, tỉnh Bắc Kạn: Đăng ký học giấy phép lái xe ô tô hạng C, trực tiếp đưa cho Xuân Quang H số tiền 9.500.000đ (*Chín triệu năm trăm nghìn đồng*) tại nhà ông Lường Đình Độ, sinh năm 1988, trú cùng thôn, ông Đ biết và được chứng kiến việc ông Đ đưa tiền cho H. Sau đó ông Đ được H trực tiếp dạy lái xe ô tô 02 buổi. H thừa nhận được nhận số tiền 9.500.000đ (*Chín triệu năm trăm nghìn đồng*) của ông Đ.

18. Ngày 25/6/2019, ông Lường Đình Đ, sinh năm 1988, trú tại Thôn Đ, xã Q, huyện C: Đăng ký học giấy phép lái xe ô tô hạng C, trực tiếp đưa cho Xuân Quang H số tiền 6.500.000đ (*Sáu triệu năm trăm nghìn đồng*) tại nhà ông Đ, khi đưa tiền có ông Lường Đình Đ biết và được chứng kiến. Sau đó khoảng một tuần, trong khi đang học lái xe thì ông Đ tiếp tục đưa cho H số tiền 3.000.000đ (ba triệu đồng) trên xe ô tô, không có ai chứng kiến. Ông Đ được H trực tiếp dạy lái xe ô tô khoảng 20 buổi, Xuân Quang H chỉ thừa nhận được nhận của ông Đ số tiền 6.500.000đ tại nhà ông Đ, còn số tiền 3.000.000đ thì H không thừa nhận, vì vậy, đủ căn cứ xác định H chiếm đoạt số tiền 6.500.000đ (*Sáu triệu năm trăm nghìn đồng*) của ông Đ.

19. Khoảng tháng 5/2019, ông Dương Văn K, sinh năm 1985, trú tại thôn Làng Chẽ, xã Q, huyện C, tỉnh Bắc Kạn: Đăng ký học giấy phép lái xe ô tô hạng B2, trực tiếp đưa cho Xuân Quang H số tiền 4.000.000đ (*Bốn triệu đồng*) tại phòng làm việc của ông Lưu Văn D, Phó Chủ tịch UBND xã Q, huyện C, khi đưa tiền có ông D, ông Ma Văn S, ông H Chu B, ông Dương Văn B biết và chứng kiến. Sau đó ông K được H trực tiếp dạy lái xe ô tô được khoảng 04 đến 05 buổi. H thừa nhận được nhận số tiền 4.000.000đ (*Bốn triệu đồng*) phù hợp với lời khai của ông K.

20. Ngày 23/8/2019, ông H Văn S, sinh năm 1964, trú tại thôn C, xã Y, huyện C, tỉnh Bắc Kạn: Đăng ký học giấy phép lái xe ô tô hạng B2, trực tiếp đưa cho Xuân Quang H số tiền 6.500.000đ (*Sáu triệu năm trăm nghìn đồng*) tại nhà ông S, khi đưa tiền có ông Lương Văn B biết và chứng kiến. Sau đó ông S được H trực tiếp dạy lái xe ô tô 02 buổi. Xuân Quang H chỉ thừa nhận được nhận của ông S số tiền 1.000.000đ (*Một triệu đồng*). Căn cứ tài liệu điều tra thu thập được, xác định Xuân Quang H đã chiếm đoạt của ông H Văn S số tiền là 6.500.000đ (*Sáu triệu năm trăm nghìn đồng*).

21. Ngày 15/6/2019, bà Nguyễn Thị Minh P, sinh năm 1980 cùng chồng là ông Vũ Văn N, sinh năm 1977, cùng trú tại thôn N, thị trấn Đ, huyện C: Cùng đăng ký học giấy phép lái xe ô tô hạng B2, trực tiếp đưa cho Xuân Quang H số tiền 4.000.000đ (*Bốn triệu đồng*) tại nhà. Ngày 18/7/2019, bà P và ông N tiếp tục đưa cho Xuân Quang H số tiền 6.000.000đ (*Sáu triệu đồng*) cũng tại nhà bà P. Sau đó bà P và ông N được H trực tiếp dạy lái xe ô tô nhiều buổi. H thừa nhận được nhận số tiền 10.000.000đ (*Mười triệu đồng*) của bà P và ông N.

22. Khoảng tháng 6/2019, bà Lường Thị T, sinh năm 1991, trú tại thôn Nà Ba, xã T, huyện C: Đăng ký học giấy phép lái xe ô tô hạng B2, trực tiếp đưa cho Xuân Quang H số tiền 6.500.000đ (*Sáu triệu năm trăm nghìn đồng*) tại chợ xã Q, huyện C, khi đưa tiền có ông Phạm Hữu T, sinh năm 1955, trú tại Thôn Đ, xã Q, huyện C biết và chứng kiến, sau đó bà T được H trực tiếp dạy lái xe ô tô nhiều buổi. H thừa nhận được nhận của bà T số tiền 500.000đ (*Năm trăm nghìn đồng*). Căn cứ tài liệu điều tra thu thập được, xác định Xuân Quang H đã chiếm đoạt của bà Lường Thị T số tiền là 6.500.000đ (*Sáu triệu năm trăm nghìn đồng*).

23. Ngày 01/8/2019, ông Hoa Văn K, sinh năm 1985, trú tại Thôn K, xã L, huyện N: Đăng ký học giấy phép lái xe ô tô hạng C, nhờ ông H Văn Tiếp, sinh năm 1983, trú tại thôn Khuổi Tây B, xã L, huyện N đưa cho Xuân Quang H số tiền 5.000.000đ (*Năm triệu đồng*) tại nhà, khi ông T đưa tiền cho H thì có chụp ảnh số tiền B điện thoại di động (ông Tiếp đã cung cấp 02 ảnh cho Cơ quan điều tra) và có ông H Văn N, cùng bố mẹ của ông T là ông H Văn L và bà Nông Thị E biết và chứng kiến. Ngày 17/7/2019, ông K trực tiếp đưa cho H số tiền 4.500.000đ (*Bốn triệu năm trăm nghìn đồng*) tại phòng làm việc của Công an xã L, huyện N, khi K đưa tiền cho H thì có các ông Hoa Văn T, Hoa Đình G, Lương Văn B, cùng trú tại thôn K, xã L biết và chứng kiến. Sau đó ông K được H trực tiếp dạy lái xe ô tô được 01 buổi. Xuân Quang H chỉ thừa nhận được nhận của ông K lần đầu số tiền là 2.000.000đ (*Hai triệu đồng*) và lần 2 số tiền là 1.000.000đ (*Một triệu đồng*). Căn cứ tài liệu điều tra thu thập được, xác định Xuân Quang H đã chiếm đoạt của ông Hoa Văn K số tiền là 9.500.000đ (*Chín triệu năm trăm nghìn đồng*).

24. Khoảng tháng 5/2019, ông Lưu Văn L, sinh năm 1972, trú tại thôn B, xã Q, huyện C, tỉnh Bắc Kạn: Đăng ký học giấy phép lái xe ô tô hạng C, trực tiếp đưa cho Xuân Quang H 3 lần với tổng số tiền là 10.500.000đ (*Mười triệu năm trăm nghìn đồng*), trong đó lần đầu khi ông L đưa cho H số tiền 2.500.000đ (*Hai triệu năm trăm nghìn đồng*) tại nhà có vợ là bà Ma Thị N, sinh năm 1987 biết và chứng kiến; lần thứ 2 ông L đưa cho H số tiền: 4.000.000đ (*Bốn triệu đồng*) tại sân chợ xã Q thì không có ai chứng kiến; lần thứ 3 ông L đưa cho H số tiền: 4.000.000đ (*Bốn triệu đồng*) tại nhà ông Phạm Văn H, sinh năm 1978, trú tại thôn Đèo Vai I, xã Q, tuy nhiên ông H khai không biết và không nhìn thấy việc ông L đưa tiền cho Xuân Quang H. Sau đó ông L được H trực tiếp dạy lái xe ô tô một số buổi. H chỉ thừa nhận được nhận của ông L số tiền 1.000.000đ (*Một triệu đồng*) tại nhà ông L, còn các lần khác ông L được đưa tiền thì H không thừa nhận. Căn cứ tài liệu điều tra thu thập được không đủ căn cứ chứng minh việc ông L đã đưa tiền cho H lần 2 và lần 3 với tổng số tiền là 8.000.000đ. Do đó, xác định Xuân Quang H đã chiếm đoạt của ông Lưu Văn L số tiền là 2.500.000đ (*Hai triệu năm trăm nghìn đồng*).

25. Khoảng tháng 6/2019, ông Ma Văn T, sinh năm 1986, trú tại thôn B, xã C, huyện C, tỉnh Bắc Kạn: Đăng ký học giấy phép lái xe ô tô hạng C), trực tiếp đưa cho H số tiền 11.500.000đ (*Mười một triệu năm trăm nghìn đồng*), trong đó lần đầu ông T đưa cho H số tiền 4.500.000đ (*Bốn triệu năm trăm nghìn đồng*) tại nhà ông T, khi đưa tiền có vợ là bà Lộc Thị T, sinh năm 1986 biết và chứng kiến; lần thứ 2 ông T đưa cho H số tiền 7.000.000đ (*Bảy triệu đồng*) tại nhà ông Ma Văn B, sinh năm 1966, trú cùng thôn, tuy nhiên ông B trình bày chỉ nhìn thấy ông T đưa tiền cho H nH không rõ cụ thể bao nhiêu tiền. Sau đó ông T được H trực tiếp dạy lái xe ô tô một số buổi. H chỉ thừa nhận được nhận của ông T số tiền 1.000.000đ (*Một triệu đồng*) nH không nhớ địa điểm nhận tiền. Căn cứ tài liệu điều tra thu thập được không đủ căn cứ chứng minh việc ông T đã đưa cho H số tiền 7.000.000đ tại nhà ông Ma Văn B. Do đó, xác định Xuân Quang H

đã chiếm đoạt của ông Ma Văn Tuyên số tiền là 4.500.000đ (*Bốn triệu năm trăm nghìn đồng*).

26. Khoảng tháng 7/2019, ông H Văn N, sinh năm 1983, trú tại thôn K, xã Y, huyện C: Đăng ký học giấy phép lái xe ô tô hạng C, trực tiếp đưa cho Xuân Quang H 02 lần với tổng số tiền 9.500.000đ (*Chín triệu năm trăm nghìn đồng*). Lần 1: 6.000.000đ, lần 2: 3.500.000đ tại nhà ông N, cả hai lần ông N đưa tiền cho H đều có vợ là bà Triệu Thị T, sinh năm 1983 biết và chứng kiến. Sau đó ông N được H trực tiếp dạy lái xe ô tô khoảng 04 buổi. H chỉ thừa nhận được nhận của ông N số tiền 2.000.000đ (*Hai triệu đồng*) tại ngã ba xã Y (nay là thị trấn Đ, huyện C) khi nhận tiền không có ai chứng kiến; lần thứ 2 H nhận của N số tiền 1.000.000đ (*Một triệu đồng*) tại khu vực đối diện Trường Mầm non xã Y, huyện C không có ai chứng kiến. Căn cứ tài liệu điều tra thu thập được xác định Xuân Quang H đã chiếm đoạt của ông H Văn N số tiền là 9.500.000đ (*Chín triệu năm trăm nghìn đồng*).

27. Ngày 08/7/2019, bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1985, trú tại thôn C, xã T, huyện C: Đăng ký học giấy phép lái xe ô tô hạng B2, trực tiếp đưa cho Xuân Quang H số tiền 6.500.000đ (*Sáu triệu năm trăm nghìn đồng*) tại nhà bà Hoàn, khi đưa tiền có chồng là ông Lý Văn V, sinh năm 1976 biết và chứng kiến. Sau đó bà Hoàn được H trực tiếp dạy lái xe ô tô một số buổi. H chỉ thừa nhận được nhận của bà Hoàn số tiền 1.000.000đ (*Một triệu đồng*). Căn cứ tài liệu điều tra thu thập được và lời khai của người chứng kiến xác nhận số tiền bà Hoàn đã đưa cho H là 6.500.000đ. Do đó, xác định Xuân Quang H đã chiếm đoạt của bà Nguyễn Thị H số tiền là 6.500.000đ (*Sáu triệu năm trăm nghìn đồng*).

28. Ngày 03/7/2019, ông Triệu Sinh L, sinh năm 1974, trú tại thôn K, xã Y, huyện C: Đăng ký học giấy phép lái xe ô tô hạng C, trực tiếp đưa cho Xuân Quang H số tiền 4.500.000đ (*Bốn triệu năm trăm nghìn đồng*) tại nhà ông L, khi đưa tiền có vợ là bà Dương Thị N, sinh năm 1975 biết và chứng kiến. Sau đó ông L được H trực tiếp dạy lái xe ô tô 02 buổi, trong quá trình học lái thì ông L đưa tiếp cho H số tiền 5.000.000đ (*Năm triệu đồng*) tại sân UBND xã Y, huyện C, không có ai chứng kiến. H khai chỉ nhận của ông L số tiền 1.500.000đ (*Một triệu năm trăm nghìn đồng*) tại nhà ông L. Căn cứ tài liệu điều tra thu thập được không đủ căn cứ chứng minh việc ông L đã đưa cho H số tiền: 5.000.000đ tại sân UBND xã Y. Do đó, xác định Xuân Quang H đã chiếm đoạt của ông Triệu Sinh L số tiền là 4.500.000đ (*Bốn triệu năm trăm nghìn đồng*).

* Có 20 người đưa tiền cho Xuân Quang H có người chứng kiến nH người chứng kiến không biết đưa bao nhiêu tiền, người chứng kiến nhìn thấy số tiền không khớp với bị can và bị hại; đưa tiền không có người chứng kiến, Xuân Quang H khai nhận số tiền không khớp với các bị hại. Qua điều tra xác định số tiền chiếm đoạt là 23.500.000đ (*Hai mươi ba triệu, năm trăm nghìn đồng*), gồm:

1. Khoảng tháng 5/2019, ông Lưu Văn D, sinh năm 1982, trú tại thôn Nà Lăng, xã Q, huyện C: Đăng ký học giấy phép lái xe ô tô hạng B2, trực tiếp đưa cho Xuân Quang H số tiền 6.500.000đ (*Sáu triệu năm trăm nghìn đồng*) tại

phòng làm việc của ông D tại UBND xã Q, khi đưa tiền có các ông: Ma Văn S, Dương Văn B, Dương Văn K biết và chứng kiến. Tuy nhiên ông S nói nhìn thấy ông D đưa cho H số tiền 4.000.000đ; ông Biên và ông K nói nhìn thấy ông D đưa tiền cho H nh không biết là đưa bao nhiêu tiền. Xuân Quang H khai được nhận của ông D số tiền là 2.000.000đ (*Hai triệu đồng*) tại phòng làm việc của ông D. Sau đó ông D được H trực tiếp dạy lái xe ô tô được khoảng 05 buổi. Quá trình điều tra không đủ căn cứ chứng minh việc ông D đã đưa cho H số tiền 6.500.000đ, xác định số tiền Xuân Quang H đã chiếm đoạt của ông Lưu Văn D là 2.000.000đ (*Hai triệu đồng*).

2. Khoảng tháng 6/2019, bà Trương Thị T, sinh năm 1979, trú tại Thôn Đ, xã Q, huyện C: Đăng ký học giấy phép lái xe ô tô hạng B2, trực tiếp đưa cho Xuân Quang H số tiền 6.500.000đ (*Sáu triệu năm trăm nghìn đồng*) tại nhà bà T, không có ai chứng kiến. H khai được nhận của bà T số tiền 1.000.000đ. Sau đó bà T được H trực tiếp dạy lái xe ô tô được khoảng 06 đến 07 buổi. Quá trình điều tra không đủ căn cứ chứng minh việc bà T đã đưa cho H số tiền: 6.500.000đ. Xác định số tiền Xuân Quang H đã chiếm đoạt của Trương Thị T là 1.000.000đ (*Một triệu đồng*).

3. Khoảng đầu tháng 5/2019, bà Triệu Thị T, sinh năm 1984, trú tại Thôn Đ, xã Q, huyện C: Đăng ký học giấy phép lái xe ô tô hạng B2, trực tiếp đưa cho Xuân Quang H số tiền 6.500.000đ (*Sáu triệu năm trăm nghìn đồng*) tại sân bóng thôn Đồng Luông, xã Q, khi đưa tiền có ông Phạm Văn H, sinh năm 1978, trú tại Thôn Đ, xã Q biết và chứng kiến, nh ông Phạm Văn H trình nói không biết và không nhìn thấy việc bà T đưa tiền cho Xuân Quang H, sau đó bà T được H trực tiếp dạy lái xe ô tô một số buổi. H thừa nhận được nhận của bà T số tiền 500.000đ (*Năm trăm nghìn đồng*) tại sân bóng thôn Đ. Quá trình điều tra không đủ căn cứ chứng minh bà T đã đưa cho H số tiền là 6.500.000đ. Xác định số tiền Xuân Quang H đã chiếm đoạt của Triệu Thị T là 500.000đ (*Năm trăm nghìn đồng*).

4. Khoảng tháng 6/2019, bà Trần Thị T, sinh năm 1980, trú tại thôn Cẩm Lặng, xã T, huyện C: Đăng ký học giấy phép lái xe ô tô hạng B2, trực tiếp đưa cho Xuân Quang H số tiền 6.500.000đ (*Sáu triệu năm trăm nghìn đồng*) tại nhà bà T, không có ai chứng kiến, sau khi đưa tiền bà T nhắn tin cho H B điện thoại di động nội dung “Đã nộp 6.500.000đ học phí lái xe cho thầy H dạy lái xe. T nộp”; H nhắn tin L là “OK chị”. Tuy nhiên, điện thoại của bà T đã bị hỏng, kiểm tra điện thoại Xuân Quang H không phát hiện nội dung tin nhắn trên. Sau đó bà T được H trực tiếp dạy lái xe ô tô được 10 buổi. H trình bày được nhận của bà T số tiền 1.000.000đ (*Một triệu đồng*). Kết thúc điều tra, xác định số tiền Xuân Quang H đã chiếm đoạt của Trần Thị T là 1.000.000đ (*Một triệu đồng*).

5. Ngày 21/6/2019, bà Nguyễn Mỹ L, sinh năm 1993, trú tại thôn S, xã N, huyện C: Đăng ký học giấy phép lái xe ô tô hạng B2, trực tiếp đưa cho Xuân Quang H số tiền 5.000.000đ (*Năm triệu đồng*) tại nhà bà L, khi đưa tiền có chồng là Đỗ T H biết và chứng kiến, tuy nhiên, ông H thường xuyên vắng mặt

tại địa phương, Cơ quan điều tra chưa gặp và được ghi lời khai. Sau đó bà L được H trực tiếp dạy lái xe ô tô 10 buổi. H khai được nhận của bà L số tiền 1.000.000đ (*Một triệu đồng*). Kết thúc điều tra không đủ căn cứ chứng minh việc bà L đã đưa cho H số tiền: 5.000.000đ, xác định số tiền Xuân Quang H đã chiếm đoạt của bà Nguyễn Mỹ L là 1.000.000đ (*Một triệu đồng*).

6. Khoảng tháng 7/2019, bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1974, trú tại thôn S, xã N, huyện C : Đăng ký học giấy phép lái xe ô tô hạng B2, trực tiếp đưa cho Xuân Quang H số tiền 5.000.000đ (*Năm triệu đồng*) tại nhà bà T, không có ai chứng kiến. Trong quá trình học lái xe, bà T tiếp tục đưa cho H số tiền 1.500.000đ (*Một triệu năm trăm nghìn đồng*) tại sân tập lái xe thuộc xã T, huyện C, khi đưa tiền có bà Nguyễn Mỹ L biết và chứng kiến. H khai được nhận của bà T số tiền 1.500.000đ (*Một triệu đồng*) tại sân tập lái xe ô tô thuộc xã T. Kết thúc điều tra không đủ căn cứ chứng minh việc bà T đã đưa cho H số tiền 5.000.000đ tại nhà bà T, xác định số tiền Xuân Quang H đã chiếm đoạt của bà Nguyễn Thị T là 1.500.000đ (*Một triệu năm trăm nghìn đồng*).

7. Ngày 19/7/2019, ông Ma Văn B, sinh năm 1966, trú tại thôn Bản Quất, xã C, huyện C: Đăng ký học giấy phép lái xe ô tô hạng B2, trực tiếp đưa cho Xuân Quang H số tiền 6.500.000đ (*Sáu triệu năm trăm nghìn đồng*) tại nhà ông B, không có ai chứng kiến, H khai được nhận của ông B số tiền 500.000đ (*Năm trăm nghìn đồng*). Sau đó, ông B được H trực tiếp dạy lái xe ô tô một số buổi, kết thúc điều tra không đủ căn cứ chứng minh việc ông B đã đưa cho H số tiền: 6.500.000đ tại nhà ông B, xác định số tiền Xuân Quang H đã chiếm đoạt của Ma Văn B là 500.000đ (*Năm trăm nghìn đồng*).

8. Khoảng tháng 8/2019, ông Ma Văn H, sinh năm 1987, trú tại thôn Nà Liên, xã Y, huyện C: Đăng ký học giấy phép lái xe ô tô hạng B2, trực tiếp đưa cho Xuân Quang H số tiền 6.500.000đ (*Sáu triệu năm trăm nghìn đồng*) tại sân UBND xã Y, khi đưa tiền không có ai chứng kiến. H khai được nhận số tiền 500.000đ (*Năm trăm nghìn đồng*) của ông H, sau đó ông H được H trực tiếp dạy lái xe ô tô 02 buổi. Kết thúc điều tra, xác định số tiền H đã chiếm đoạt của ông H là 500.000đ (*Năm trăm nghìn đồng*).

9. Ngày 18/8/2019, ông H Văn N, sinh năm 1967, trú tại Khuổi Táy A, xã L, huyện N: Đăng ký học giấy phép lái xe ô tô hạng B2, trực tiếp đưa cho Xuân Quang H số tiền 6.500.000đ (*Sáu triệu năm trăm nghìn đồng*) tại sân UBND xã L, khi đưa tiền có ông H Văn Cương, sinh năm 1983, trú tại thôn K, xã Y, huyện C biết và chứng kiến. Tuy nhiên, ông Cương nói nhìn thấy ông N đưa cho H số tiền 3.000.000đ (*Ba triệu đồng*). H khai được nhận của ông N số tiền là 500.000đ (*Năm trăm nghìn đồng*) tại sân UBND xã L, sau đó ông N được H trực tiếp dạy lái xe ô tô được 04 buổi. Kết thúc điều tra, xác định số tiền Xuân Quang H đã chiếm đoạt của ông H Văn N là 500.000đ (*Năm trăm nghìn đồng*).

10. Ngày 20/5/2019, ông Dương Văn T, sinh năm 1981, trú tại thôn Làng Diên, xã Q, huyện C: Đăng ký học giấy phép lái xe ô tô hạng C, trực tiếp đưa cho Xuân Quang H số tiền 4.500.000đ (*Bốn triệu năm trăm nghìn đồng*) tại nhà,

khi đưa tiền có ông Triệu Hữu T, sinh năm 1982, trú tại thôn Đồng Luông, xã Q biết và chứng kiến; khoảng 1 tuần sau, ông T tiếp tục đưa cho H 5.000.000đ (*Năm triệu đồng*), khi đưa tiền có ông Nguyễn Ngọc K, sinh năm 1976, trú tại Xóm V, xã V, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên biết và chứng kiến. Tuy nhiên, ông T nói được chứng kiến ông T đưa tiền cho H nH không biết cụ thể số tiền đã đưa; ông K không biết, không nhìn thấy việc ông T đưa tiền cho H; Xuân Quang H khai được nhận của ông T số tiền 2.000.000đ (*Hai triệu đồng*) tại nhà, sau đó ông T được H trực tiếp dạy lái xe ô tô một số buổi. Kết thúc điều tra xác định số tiền H đã chiếm đoạt của ông T là 2.000.000đ (*Hai triệu đồng*).

11. Khoảng tháng 6/2019, ông Triệu Hữu T, sinh năm 1982, trú tại Thôn Đ, xã Q, huyện C: Đăng ký học giấy phép lái xe ô tô hạng C, trực tiếp đưa cho Xuân Quang H số tiền 6.000.000đ (*Sáu triệu đồng*) tại nhà ông T, khi đưa tiền có ông Phạm Văn Vương, sinh năm 1976, trú tại thôn Đồng Luông, xã Q biết và chứng kiến. Tuy nhiên, ông Vương nói nhìn thấy ông T đưa tiền cho H nH không biết cụ thể bao nhiêu tiền; Xuân Quang H khai được nhận của ông T số tiền 1.000.000đ (*Một triệu đồng*), sau đó ông T được H trực tiếp dạy lái xe ô tô một số buổi. Kết thúc điều tra xác định số tiền H đã chiếm đoạt của ông T là 1.000.000đ (*Một triệu đồng*).

12. Khoảng tháng 6/2019, ông Lường Văn L, sinh năm 1989, trú tại thôn Làng Chẽ, xã Q, huyện C: Đăng ký học giấy phép lái xe ô tô hạng C, trực tiếp đưa cho Xuân Quang H số tiền 5.000.000đ (*Năm triệu đồng*) tại đường Quốc lộ 3, thuộc thôn Làng Chẽ, xã Q, khi đưa tiền không có ai chứng kiến; sau đó khoảng 3 tuần, ông Luận tiếp tục đưa cho H số tiền 4.500.000đ (*Bốn triệu năm trăm nghìn đồng*) tại sân UBND xã Q, khi đưa tiền có ông Ninh Văn D, sinh năm 1987, trú tại xóm Đ, xã Y, huyện P, tỉnh Thái Nguyên biết và chứng kiến. Tuy nhiên, ông D nói nhìn thấy ông L đưa tiền cho ông H nH không biết cụ thể bao nhiêu tiền. H khai được nhận của ông Luận số tiền 1.000.000đ (một triệu đồng), sau đó ông L được H trực tiếp dạy lái xe ô tô một số buổi. Kết thúc điều tra xác định số tiền Xuân Quang H đã chiếm đoạt của ông Lường Văn L là 1.000.000đ (*Một triệu đồng*).

13. Khoảng tháng 6/2019, ông Bùi Sỹ T, sinh năm 1987, trú tại thôn Bản Nhuận 2, xã Q, huyện C: Đăng ký học giấy phép lái xe ô tô hạng C, trực tiếp đưa cho Xuân Quang H số tiền 3.000.000đ (*ba triệu đồng*) tại Thôn Đ, xã Q, không có ai chứng kiến; sau đó khoảng hai tuần, ông T tiếp tục đưa cho H số tiền 3.000.000đ (*ba triệu đồng*) tại sân Chợ xã Q, không có ai chứng kiến. H khai được nhận của ông T số tiền 1.000.000đ (*Một triệu đồng*) tại Chợ xã Q, sau đó ông Tráng được H trực tiếp dạy lái xe ô tô 05 buổi. Kết thúc điều tra xác định số tiền H đã chiếm đoạt của ông Bùi Sỹ T là 1.000.000đ (*Một triệu đồng*).

14. Khoảng tháng 5/2019, ông Lộc Văn T, sinh năm 1989, trú tại xóm K, xã Y, huyện P, tỉnh Thái Nguyên: Đăng ký học giấy phép lái xe ô tô hạng C, trực tiếp đưa cho Xuân Quang H số tiền 11.000.000đ (*Mười một triệu đồng*) tại quán nước thuộc khu vực ngã ba xã Y (nay là thị trấn Đ), huyện C, khi đưa tiền

không có ai chứng kiến. H khai chỉ nhận của ông T số tiền 1.000.000đ (*Một triệu đồng*), sau đó ông T được H trực tiếp dạy lái xe ô tô 04 buổi. Kết thúc điều tra xác định số tiền H đã chiếm đoạt của ông Lộc Văn T là 1.000.000đ (*một triệu đồng*).

15. Khoảng tháng 6/2019, ông Trung Văn N, sinh năm 1987, trú tại thôn Nà Lăng, xã Q, huyện C: Đăng ký học giấy phép lái xe ô tô hạng C, trực tiếp đưa cho Xuân Quang H số tiền 9.500.000đ (*Chín triệu năm trăm nghìn đồng*) tại cửa Bưu điện xã Q, không có ai chứng kiến. H khai chỉ được nhận của ông Năm số tiền 1.000.000đ (*Một triệu đồng*). Sau đó ông N được H trực tiếp dạy lái xe ô tô một số buổi, kết thúc điều tra xác định số tiền H đã chiếm đoạt của ông Năm là 1.000.000đ (*Một triệu đồng*).

16. Khoảng tháng 5/2019, ông Dương Văn C, sinh năm 1974, trú tại Thôn Đ, xã Q, huyện C: Đăng ký học giấy phép lái xe ô tô hạng C, trực tiếp đưa cho Xuân Quang H số tiền 3.000.000đ (*Ba triệu đồng*) tại nhà ông C, không có ai chứng kiến. Sau đó, ông C được H trực tiếp dạy lái xe ô tô một số buổi, quá trình học lái xe, ông C tiếp tục đưa cho H số tiền 4.000.000đ (*Bốn triệu đồng*) tại sân Chợ, xã Q, có ông Lưu Văn L, sinh năm 1972, trú tại thôn B, xã Q biết và chứng kiến. Tuy nhiên, ông L không thừa nhận được nhìn thấy và chứng kiến việc đưa tiền. H khai được nhận của ông Chúc số tiền 1.000.000đ (*Một triệu đồng*). Kết thúc điều tra xác định số tiền H đã chiếm đoạt của ông C là 1.000.000đ (*Một triệu đồng*).

17. Khoảng tháng 5/2019, ông Ninh Văn D, sinh năm 1987, trú tại xóm Đ, xã Y, huyện P, tỉnh Thái Nguyên: Đăng ký học giấy phép lái xe ô tô hạng C, trực tiếp đưa cho Xuân Quang H 03 lần với tổng số tiền là 9.500.000đ (*Chín triệu năm trăm nghìn đồng*), trong đó lần đầu ông D đưa cho H số tiền 5.000.000đ (*Năm triệu đồng*) tại thôn Đ, xã Q có ông Ninh Văn L, sinh năm 1985, trú cùng thôn chứng kiến. Tuy nhiên, ông L nói được nhìn thấy và chứng kiến NH không biết cụ thể là đưa bao nhiêu tiền; lần thứ 2 ông D đưa cho H số tiền: 2.000.000đ (*Hai triệu đồng*) tại thôn Đ, xã Q, không có ai biết và chứng kiến; lần thứ 3 ông D đưa cho H số tiền: 2.500.000đ (*Hai triệu năm trăm nghìn đồng*) tại thôn Đ, xã Q, không có ai biết và chứng kiến. Sau đó ông D được H trực tiếp dạy lái xe ô tô một số buổi, H thừa nhận được nhận của ông D lần đầu số tiền 500.000đ (*Năm trăm nghìn đồng*) tại thôn Đồng Luông, xã Q, còn các lần khác H không thừa nhận. Kết thúc điều tra xác định số tiền H đã chiếm đoạt của ông D số tiền 500.000đ (*Năm trăm nghìn đồng*).

18. Ngày 22/5/2019, ông Ninh Văn L, sinh năm 1985, trú tại xóm Đ, xã Y, huyện P, tỉnh Thái Nguyên: Đăng ký học giấy phép lái xe ô tô hạng C, trực tiếp đưa cho Xuân Quang H số tiền 4.500.000đ (*Bốn triệu năm trăm nghìn đồng*) tại sân bóng thôn Đ, xã Q khi đưa tiền có ông Ninh Văn D biết và chứng kiến, tuy nhiên ông D nói biết và chứng kiến ông L đưa cho H số tiền 5.000.000đ (*Năm triệu đồng*), Xuân Quang H khai nhận của ông L số tiền 4.000.000đ (*Bốn triệu đồng*); Đầu tháng 6/2019, ông L tiếp tục đưa cho H số

tiền 4.500.000đ (*Bốn triệu năm trăm nghìn đồng*) tại quán nước thuộc xóm Đ, xã Y, huyện P, tỉnh Thái Nguyên, khi đưa tiền có các ông: Ninh Đại X, sinh năm 1976, Trần Anh T, sinh năm 1976 trú cùng xã Yên Lạc, huyện P biết và chứng kiến sự việc. Tuy nhiên, ông T và ông Xuân không việc ông L đưa tiền cho H cụ thể bao nhiêu. H không thừa nhận được nhận tiền của ông L tại quán nước thuộc xóm Đ, xã Y. Sau đó ông Lương được H trực tiếp dạy lái xe ô tô được một số buổi Kết thúc điều tra xác định số tiền Xuân Quang H đã chiếm đoạt của ông Ninh Văn L là 4.000.000đ (*Bốn triệu đồng*).

19. Ngày 03/8/2019, ông H Văn sinh năm 1983, trú tại thôn K, xã Y, huyện C: Đăng ký học giấy phép lái xe ô tô hạng C, trực tiếp chuyển cho Xuân Quang H số tiền 5.000.000đ (*Năm triệu đồng*) qua hình thức gửi xe khách An Bình chạy tuyến N – Thái Nguyên; ngày 16/8/2019, ông C trực tiếp đưa cho H số tiền 4.500.000đ (*Bốn triệu năm trăm nghìn đồng*) tại sân UBND xã L, huyện N, khi đưa tiền có ông H Văn N, sinh năm 1967, trú tại thôn Khuổi Tẩy A, xã L biết và chứng kiến. Tuy nhiên, ông N không nhìn thấy ông Cương đưa tiền cho H cụ thể bao nhiêu; H khai nhận của ông Cương số tiền 1.000.000đ (*một triệu đồng*), H không nhớ thời gian, địa điểm. Sau đó ông Cương được H trực tiếp dạy lái xe ô tô 02 buổi, kết thúc điều tra xác định số tiền Xuân Quang H đã chiếm đoạt của ông H Văn C là 1.000.000đ (*Một triệu đồng*).

20. Khoảng tháng 9/2019, ông Hứa Văn N, sinh năm 1992, trú tại thôn K, xã Y, huyện C: Đăng ký học giấy phép lái xe ô tô hạng C, trực tiếp đưa cho Xuân Quang H số tiền 5.000.000đ (*Năm triệu đồng*) tại nhà H Văn N, sinh năm 1983, thuộc thôn K, xã Y, khi đưa tiền có vợ chồng ông N chứng kiến, tuy nhiên vợ chồng ông N không thừa nhận việc biết và chứng kiến việc đưa tiền, sau đó ông Nghiệp được H trực tiếp dạy lái xe ô tô 04 buổi. Trong quá trình học, ông Nghiệp tiếp tục đưa cho H số tiền 4.500.000đ (*Bốn triệu năm trăm nghìn đồng*), tại một quán nước gần UBND xã L, huyện Na Rì, không có ai biết và chứng kiến. H khai được nhận của ông Nghiệp số tiền 1.500.000đ (*Một triệu năm trăm nghìn đồng*). Kết thúc điều tra xác định số tiền H đã chiếm đoạt của ông Np là 1.500.000đ (*Một triệu năm trăm nghìn đồng*).

Kết thúc điều tra xác định tổng số tiền Xuân Quang H chiếm đoạt của các bị hại là **238.000.000đ** (*Hai trăm ba mươi tám triệu đồng*). Các bị hại yêu cầu Xuân Quang H phải bồi thường số tiền (cụ thể như kết quả điều tra). Xuân Quang H chỉ nhất trí bồi thường tổng số tiền theo lời khai nhận của bị cáo là 178.500.000đ (*Một trăm bảy mươi tám triệu năm trăm nghìn đồng*). Xuân Quang H chưa bồi thường được khoản tiền nào cho các bị hại.

Tại Bản cáo trạng số 09/CT-VKSBK-P1 ngày 05/02/2021 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Kạn đã truy tố Xuân Quang H về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 174 Bộ luật hình sự, điều luật có nội dung:

"1. Người nào bằng thủ đoạn gian dối chiếm đoạt tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới

2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:

...

3. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 07 năm đến 15 năm:

a) Chiếm đoạt tài sản trị giá từ 200.000.000 đồng đến dưới 500.000.000 đồng;

...

5. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản".

Trong giai đoạn xét xử bị cáo đã tác động gia đình bồi thường cho các bị hại gồm bà Nguyễn Thị Minh P, ông Vũ Văn N, bà Lê Thị N, ông Hoàng Chu B, ông Phạm Văn H, ông Hoàng Đình T, ông Hoa Văn T, ông Hoàng Văn T, ông Hoa Đình G, ông Hoa Đình T, ông Lương Văn D, ông Lương Văn B, ông Hoa Văn K. các bị hại trên không yêu cầu bị cáo phải bồi thường nữa.

Các bị hại bà Nguyễn Thị Minh P, bà Lê Thị N, ông Hoàng Chu B, ông Phạm Văn H có đơn xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo.

Tại phiên tòa:

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Kạn giữ nguyên quan điểm truy tố đối với bị cáo. Đề nghị HĐXX tuyên bố bị cáo Xuân Quang H phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản". Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 174; điểm b, s khoản 1 khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 54; Điều 38/Bộ luật

hình sự. Xử phạt bị cáo Xuân Quang H 5 (năm) năm đến 5 (năm) 6 (sáu) tháng tù. Áp dụng khoản 1 Điều 56/ BLHS tổng hợp với hình phạt 05 (năm) năm tù của Bản án hình sự phúc thẩm số 35/2020/HSPT ngày 23/11/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Tuyên Quang, buộc bị cáo Xuân Quang H phải chấp hành hình phạt chung của cả hai bản án là 10(mười) năm đến 10 (mười) năm 6 (sáu) tháng tù.

Về hình phạt bổ sung: Xét bị cáo không có tài sản riêng nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự và án phí: Đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết theo quy định của pháp luật.

Bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội và nhất trí bồi thường số tiền chiếm đoạt cho các bị hại như cáo trạng đã quy kết.

Các bị hại ông Lường Đình Đ, ông Lường Đình Đ1, bà Trương Thị T, bà Nguyễn Thị H, bà Nguyễn Thị T, bà Nguyễn Mỹ L, bà Trần Thị T có đơn xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo. Ông Dương Văn T có đơn xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo tuy nhiên tại phiên tòa thay đổi lời khai đề nghị Hội đồng xét xử, xét xử bị cáo theo quy định của pháp luật.

Các bị hại ông Lường Đình Đ1, ông Lường Đình Đ, bà Trương Thị T, bà Nguyễn Thị H, bà Nguyễn Thị T, bà Nguyễn Mỹ L, bà Trần Thị T, ông Dương Văn T đã được bị cáo tác động gia đình bồi thường xong. Các bị hại trên không yêu cầu bị cáo phải bồi thường nữa.

Ông Ma Văn T yêu cầu bị cáo bồi thường 4.500.000 đồng; Ông Ma Văn B yêu cầu bị cáo bồi thường 500.000 đồng; Ông Dương Văn T yêu cầu bị cáo bồi thường 2.000.000 đồng; Ông Ninh Văn D yêu cầu bị cáo bồi thường 500.000 đồng. Bị cáo nhất trí bồi thường số tiền trên cho các bị hại.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng đó đều hợp pháp, đúng quy định của pháp luật.

[2] Tại phiên tòa, bị cáo Xuân Quang H thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội. Lời khai nhận của bị cáo phù hợp với các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án mà Cơ quan điều tra đã thu thập được, phù hợp với lời khai của những người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở khẳng định bị cáo đã thực hiện hành vi phạm tội như sau:

Nắm bắt được nhu cầu học lái xe ô tô của người dân, đồng thời lợi dụng thông tin trên mạng xã hội về việc sẽ tăng học phí, tăng câu hỏi và hình thức thi sát hạch cấp giấy phép lái xe ô tô, nên trong khoảng thời gian từ tháng 4 đến tháng 9 năm 2019, mặc dù không phải là giáo viên dạy lái xe ô tô của cơ sở đào tạo lái xe nào, song Xuân Quang H đã có hành vi đi đến các xã thuộc huyện N và huyện C của tỉnh Bắc Kạn đưa ra các thông tin gian dối về việc bản thân là giáo viên dạy lái xe ô tô thuộc các cơ sở đào tạo lái xe ô tô của tỉnh Thái Nguyên, có khả năng đào tạo học viên đủ điều kiện để thi sát hạch cấp giấy phép lái xe ô tô. Tin tưởng vào lời nói của Xuân Quang H nên 49 người có nhu cầu học B lái xe ô tô hạng B2 và hạng C đã đăng ký học lái xe và đưa cho H tổng số tiền **238.000.000** đồng (*Hai trăm ba mươi tám triệu đồng*).

Mặc dù Xuân Quang H không thừa nhận được chiếm đoạt toàn bộ tổng số tiền 238.000.000 đồng, tuy nhiên căn cứ lời khai nhận của bị cáo, lời khai của các bị hại và những người được chứng kiến quá trình giao nhận tiền giữa bị cáo

và các bị hại thì có đủ cơ sở khẳng định Xuân Quang H đã chiếm đoạt của 49 bị hại với tổng số tiền là **238.000.000 đồng**. Số tiền này H không nộp vào các cơ sở đào tạo lái xe mà chiếm đoạt và sử dụng vào mục đích cá nhân hết.

Cụ thể Xuân Quang H đã chiếm đoạt số tiền của các bị hại cụ thể như sau:

1. Ngày 24 tháng 5 năm 2019 chiếm đoạt của ông Nguyễn Anh T số tiền 8.000.000 đồng.
2. Từ ngày 09/5/2019 đến ngày 16/6/2019 chiếm đoạt của ông Hoàng Chu B số tiền 6.000.000 đồng.
3. Ngày 26 tháng 7 năm 2019 chiếm đoạt của bà Lê Thị N 9.500.000 đồng.
4. Từ ngày 20/5/2019 đến ngày 27/5/2019 chiếm đoạt của ông Phạm Văn H số tiền 6.500.000 đồng.
5. Từ ngày 04/9/2019 đến ngày 09/9/2019 chiếm đoạt của ông Hoàng Đình T số tiền 9.500.000 đồng.
6. Ngày 06 tháng 8 năm 2019 chiếm đoạt của ông Hoa Văn T số tiền 9.500.000 đồng.
7. Ngày 25 tháng 8 năm 2019 chiếm đoạt của ông Hoàng Văn T số tiền số tiền 9.500.000 đồng.
8. Ông Hoa Đình G 9.500.000 đồng.
9. Ông Hoa Đình T 9.500.000 đồng.
10. Ông Lý Ngọc T 9.500.000 đồng.
11. Ông Dương Văn T 6.500.000 đồng.
12. Ông Nguyễn Ngọc K 9.000.000 đồng.
13. Ông Lương Văn D 9.500.000 đồng việc đưa tiền có các ông Lương Văn B, Hoàng Văn N, Hoàng Văn T chứng kiến.
14. Ông Lương Văn B 9.500.000 đồng, việc đưa tiền có các ông Lương Văn D, Hoàng Văn N, Hoàng Văn T chứng kiến.
15. Ông Ma Văn S 6.500.000 đồng, việc đưa tiền có các ông Lưu Văn D, Dương Văn K, Hoàng Chu B, Dương Văn B chứng kiến.
16. Ông Dương Văn B 6.500.000 đồng, việc đưa tiền có các ông Lưu Văn D, Dương Văn K, Hoàng Chu B, Ma Văn S chứng kiến.
17. Ông Lường Đình Đ 9.500.000 đồng.
18. Ông Lường Đình Đ1 6.500.000 đồng, việc đưa tiền có ông Lường Đình Đ chứng kiến.
19. Ông Dương Văn K 4.000.000 đồng, việc đưa tiền có ông Lưu Văn D, Hoàng Chu B, Ma Văn S, Dương Văn B chứng kiến.

20. Ông Hoàng Văn S 6.500.000 đồng, việc đưa tiền có ông Lương Văn B chứng kiến

21,22. Bà Nguyễn Thị Minh P và ông Vũ Văn N tổng số tiền 10.000.000 đồng.

23. Bà Lường Thị T 6.500.000 đồng, việc đưa tiền có ông Phạm Hữu T chứng kiến.

24. Ông Hoa Văn K 9.500.000 đồng, việc đưa tiền có các ông bà Hoàng Văn N, Hoàng Văn L, Nông Thị E, Hoa Văn T, Hoa Đình G, Lương Văn B chứng kiến.

25. Ông Lưu Văn L 2.500.000 đồng việc đưa tiền có bà Ma Thị N vợ ông L chứng kiến.

26. Ông Ma Văn T số tiền 4.500.000 đồng việc đưa tiền có vợ ông T là bà Lộc Thị T chứng kiến.

27. Ông Hoàng Văn N 9.500.000 đồng việc đưa tiền có vợ ông N là bà Triệu Thị T chứng kiến.

28. Bà Nguyễn Thị H 6.500.000 đồng việc đưa tiền có chồng bà H là ông Lý Văn V chứng kiến.

29. Ông Triệu Sinh L 4.500.000 đồng việc đưa tiền có vợ ông L là bà Dương Thị N chứng kiến.

30. Ông Lưu Văn D 2.000.000 đồng.

31. Bà Trương Thị T 1.000.000 đồng.

32. Bà Triệu Thị T 500.000 đồng.

33. Bà Trần Thị T 1.000.000 đồng.

34. Bà Nguyễn Mỹ L 1.000.000 đồng.

35. Bà Nguyễn Thị T số tiền 1.500.000 đồng.

36. Ông Ma Văn B 500.000 đồng.

37. Ông Ma Văn H 500.000 đồng.

38. Ông Hoàng Văn N số tiền 500.000 đồng.

39. Ông Dương Văn T 2.000.000 đồng.

40. Ông Triệu Hữu T 1.000.000 đồng.

41. Ông Lường Văn L số 1.000.000 đồng.

42. Ông Bùi Sỹ T số tiền 1.000.000 đồng.

43. Ông Lộc Văn T số 1.000.000 đồng.

44. Ông Trung Văn N 1.000.000 đồng.

45. Ông Dương Văn C 1.000.000 đồng.

46. Ông Ninh Văn D 500.000 đồng.

47. Ông Ninh Văn L 4.000.000 đồng.

48. Ông H Văn C 1.000.000 đồng.

49. Ông Hứa Văn N 1.500.000 đồng.

Với hành vi nêu trên, cáo trạng của Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Kạn đã truy tố đối với bị cáo Xuân Quang H về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 174/Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật.

[3] Xét tính chất, hành vi phạm tội mà bị cáo thực hiện là rất nghiêm trọng đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ, gây bức xúc trong dư luận quần chúng, ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh trật tự tại địa phương. Khi thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo là người nắm rõ các quy định của pháp luật về việc thi sát hạch cấp giấy phép lái xe ô tô, mặc dù biết bản thân không có chức năng, nhiệm vụ dạy học lái xe, song vì lòng tham bị cáo đã lao vào con đường phạm tội bất chấp quy định của pháp luật. Xét thấy cần thiết phải có một hình phạt nghiêm khắc cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian nhất định mới có tác dụng cải tạo, giáo dục bị cáo và răn đe phòng ngừa tội phạm nói chung.

[4] Xét nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo:

Trước khi phạm tội bị cáo chưa có tiền án tiền sự, ngày 23/11/2020 bị cáo bị Tòa án nhân dân tỉnh Tuyên Quang xử phạt 05 năm tù về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51/BLHS, bị cáo đã tác động gia đình bồi thường thiệt hại được cho 21 bị hại nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 51/Bộ luật Hình sự, bị cáo có ông nội Xuân Ngọc H được Nhà nước tặng thưởng Huân chương kháng chiến hạng nhất, Huy hiệu 50 năm tuổi Đảng, bà nội Lê Thị Quý được Nhà nước tặng thưởng Huân chương kháng chiến hạng ba, ông ngoại Trương Văn X được Nhà nước tặng thưởng Huân chương kháng chiến hạng ba, Huy hiệu 60 năm tuổi Đảng, có 11 bị hại có đơn xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo nên bị cáo được hưởng thêm các tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51/Bộ luật Hình sự.

Bị cáo phải chịu 01 tình tiết tăng nặng là “phạm tội 02 lần trở lên” quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52/Bộ luật Hình sự.

[5] Về hình phạt bổ sung: Xét bị cáo không có tài sản riêng, phải chấp hành hình phạt tù đồng thời còn phải thực hiện nghĩa vụ bồi thường dân sự nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[6] Về trách nhiệm dân sự:

* Đối với các bị hại: Bà Nguyễn thị Minh P, ông Vũ Văn N, bà Lê Thị N, ông Hoàng Chu B, ông Phạm Văn H, ông Hoàng Đình T, ông Hoa Văn T, ông Hoàng Văn T, ông Hoa Đình G, ông Hoa Đình T, ông Lương Văn D, ông Lương Văn B, ông Hoa Văn K, ông Lường Đình Đ1, ông Lường Đình Đ, bà Trương Thị T, bà Nguyễn Thị H, bà Nguyễn Thị T, bà Nguyễn Mỹ L, bà Trần Thị T, ông Dương Văn T đã được bị cáo tác động gia đình bồi thường xong. Các bị hại trên không yêu cầu bị cáo phải bồi thường nữa nên Hội đồng xét xử không xem xét.

* Đối với các bị hại: Ông Nguyễn Anh T yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền 8.000.000 đồng; Ông Lý Ngọc T yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền 9.500.000 đồng; Ông Nguyễn Ngọc K yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền 9.000.000 đồng; Ông Ma Văn S yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền 6.500.000 đồng; Ông Dương Văn B yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền 6.500.000 đồng; Ông Dương Văn K yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền 4.000.000 đồng; Ông Hoàng Văn S yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền 6.500.000 đồng; Bà Lường Thị T yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền 6.500.000 đồng; Ông Hoàng Văn N yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền 9.500.000 đồng; Ông Ma Văn T yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền 4.500.000 đồng; Ông Ma Văn B yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền 500.000 đồng; Ông Dương Văn T yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền 2.000.000 đồng; Ông Ninh Văn D yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền 500.000 đồng. Bị cáo nhất trí bồi thường số tiền trên cho các bị hại. Xét việc thoả thuận bồi thường là tự nguyện, không trái pháp luật, đạo đức xã hội. Hội đồng xét xử ghi nhận.

* Đối với các bị hại và bị cáo không thống nhất số tiền chiếm đoạt gồm:

- Ông Lưu Văn L yêu cầu bị cáo phải bồi thường số tiền 10.500.000 đồng tuy nhiên quá trình điều tra xác định bị cáo chiếm đoạt của ông Lưu Văn L số tiền là 2.500.000 đồng. Do vậy buộc bị cáo phải bồi thường cho ông Lưu Văn L số tiền là 2.500.000 đồng.

- Ông Triệu Sinh L yêu cầu bị cáo phải bồi thường số tiền 9.500.000 đồng tuy nhiên quá trình điều tra xác định bị cáo chiếm đoạt của ông Triệu Sinh L số tiền là 4.500.000 đồng. Do vậy buộc bị cáo phải bồi thường cho ông Triệu Sinh L số tiền là 4.500.000 đồng.

- Ông Lưu Văn D yêu cầu bị cáo phải bồi thường số tiền 6.500.000 đồng tuy nhiên quá trình điều tra xác định bị cáo chiếm đoạt của ông Lưu Văn D số tiền là 2.000.000 đồng. Do vậy buộc bị cáo phải bồi thường cho ông Lưu Văn D số tiền là 2.000.000 đồng.

- Bà Triệu Thị T yêu cầu bị cáo phải bồi thường số tiền 6.500.000 đồng tuy nhiên quá trình điều tra xác định bị cáo chiếm đoạt của bà Triệu Thị T số tiền là 500.000 đồng. Do vậy buộc bị cáo phải bồi thường cho bà Triệu Thị T số tiền là 500.000 đồng.

- Ông Ma Văn H yêu cầu bị cáo phải bồi thường số tiền 6.500.000 đồng tuy nhiên quá trình điều tra xác định bị cáo chiếm đoạt của ông Ma Văn H số tiền là

500.000 đồng. Do vậy buộc bị cáo phải bồi thường cho ông Ma Văn H số tiền là 500.000 đồng.

- Ông Hoàng Văn N yêu cầu bị cáo phải bồi thường số tiền 6.500.000 đồng tuy nhiên quá trình điều tra xác định bị cáo chiếm đoạt của ông Hoàng Văn N số tiền là 500.000 đồng. Do vậy buộc bị cáo phải bồi thường cho ông Hoàng Văn N số tiền là 500.000 đồng.

- Ông Triệu Hữu T yêu cầu bị cáo phải bồi thường số tiền 6.000.000 đồng tuy nhiên quá trình điều tra xác định bị cáo chiếm đoạt của ông Triệu Hữu T số tiền là 1.000.000 đồng. Do vậy buộc bị cáo phải bồi thường cho ông Triệu Hữu T số tiền là 1.000.000 đồng.

- Ông Lường Văn L yêu cầu bị cáo phải bồi thường số tiền 9.500.000 đồng tuy nhiên quá trình điều tra xác định bị cáo chiếm đoạt của ông Lường Văn L số tiền là 1.000.000 đồng. Do vậy buộc bị cáo phải bồi thường cho ông Lường Văn L số tiền là 1.000.000 đồng.

- Ông Bùi Sĩ T yêu cầu bị cáo phải bồi thường số tiền 6.000.000 đồng tuy nhiên quá trình điều tra xác định bị cáo chiếm đoạt của ông Bùi Sĩ T số tiền là 1.000.000 đồng. Do vậy buộc bị cáo phải bồi thường cho ông Bùi Sĩ T số tiền là 1.000.000 đồng.

- Ông Lộc Văn T yêu cầu bị cáo phải bồi thường số tiền 13.000.000 đồng tuy nhiên quá trình điều tra xác định bị cáo chiếm đoạt của ông Lộc Văn số tiền là 1.000.000 đồng. Do vậy buộc bị cáo phải bồi thường cho ông Lộc Văn T số tiền là 1.000.000 đồng

- Ông Trung Văn N yêu cầu bị cáo phải bồi thường số tiền 9.500.000 đồng tuy nhiên quá trình điều tra xác định bị cáo chiếm đoạt của ông Trung Văn N số tiền là 1.000.000 đồng. Do vậy buộc bị cáo phải bồi thường cho ông Trung Văn N số tiền là 1.000.000 đồng

- Ông Dương Văn C yêu cầu bị cáo phải bồi thường số tiền 7.000.000 đồng tuy nhiên quá trình điều tra xác định bị cáo chiếm đoạt của ông Dương Văn C số tiền là 1.000.000 đồng. Do vậy buộc bị cáo phải bồi thường cho ông Dương Văn C số tiền là 1.000.000 đồng

- Ông Ninh Văn L yêu cầu bị cáo phải bồi thường số tiền 9.500.000 đồng tuy nhiên quá trình điều tra xác định bị cáo chiếm đoạt của ông Ninh Văn L số tiền là 4.000.000 đồng. Do vậy buộc bị cáo phải bồi thường cho ông Ninh Văn L số tiền là 4.000.000 đồng

- Ông Hoàng Văn C yêu cầu bị cáo phải bồi thường số tiền 9.500.000 đồng tuy nhiên quá trình điều tra xác định bị cáo chiếm đoạt của ông Hoàng Văn C số tiền là 1.000.000 đồng. Do vậy buộc bị cáo phải bồi thường cho ông Hoàng Văn C số tiền là 1.000.000 đồng

- Ông Hứa Văn N yêu cầu bị cáo phải bồi thường số tiền 9.500.000 đồng tuy nhiên quá trình điều tra xác định bị cáo chiếm đoạt của ông Hứa Văn N số

tiền là 1.500.000 đồng. Do vậy buộc bị cáo phải bồi thường cho Hứa Văn N số tiền là 1.500.000 đồng.

Tổng số tiền bị cáo phải bồi thường cho các bị hại là **96.500.000** đồng(*Chín mươi sáu triệu năm trăm nghìn đồng*)

[7] Vật chứng của vụ án: Không có

[8] Các vấn đề khác trong vụ án:

Trong quá trình điều tra vụ án có 03 (ba) trường hợp có đơn tố giác đã nộp tiền cho Xuân Quang H để học lái xe ô tô nhưng không có tài liệu chứng minh, H không thừa nhận được nhận tiền học phí của 02 trường hợp; thừa nhận được nhận tiền của 01 trường hợp số tiền 1.000.000đ (*một triệu đồng*) nH là để phụ đạo thêm việc lùi xe, gồm:

1. Ngày 04/10/2019, ông Triệu Hữu Đ, sinh năm 1981, trú tại thôn K, xã Y, huyện C có đơn tố giác Xuân Quang H có hành vi lừa đảo chiếm đoạt số tiền 9.500.000đ (*Chín triệu năm trăm nghìn đồng*) thông qua hình thức dạy lái xe ô tô, cụ thể: Ông Đ đăng ký học lái xe ô tô hạng C và nộp tiền học phí cho Xuân Quang H số tiền 9.500.000đ (*Chín triệu năm trăm nghìn đồng*) tại nhà ông H Văn N, khi ông Đ nộp tiền có ông Hoàng Văn N, ông Triệu Hữu M, trú cùng thôn K chứng kiến. Ban đầu, ông N và ông Mai nói được chứng kiến việc ông Đ nộp số tiền 9.500.000đ cho Xuân Quang H. Tuy nhiên, khi đối chất giữa Hoàng Văn N với Xuân Quang H thì ông N thay đổi lời khai, không được chứng kiến việc ông Đ đưa số tiền 9.500.000đ cho H tại nhà mình, nhưng ông N được nhận số tiền 5.000.000đ của ông Đ tại nhà mình để nhờ đưa cho H, khi đưa số tiền trên cho H thì không ai chứng kiến; ông Triệu Hữu M cũng thay đổi lời khai không được nhìn thấy ông Đ đưa tiền cho H tại nhà ông N. H khai nhận: Khoảng tháng 8/2019, khi H nhận hồ sơ và dạy lái xe tại UBND xã L, huyện N thì ông Triệu Hữu Đ lúc đó đã đăng ký học lái xe ô tô tại trường nghề Thái Hà, tỉnh Thái Nguyên nhưng do thực hành lùi xe kém, nên Đ nhờ H phụ đạo thêm về kỹ năng lùi xe H đồng ý và đã nhận của ông Đ số tiền 1.000.000đ là tiền công, ngoài ra H không được nhận số tiền 9.500.000đ với ông Đ và không được nhận số tiền 5.000.000đ của ông N, như ông Đ và ông N nói. Cơ quan điều tra tiến hành đối chất giữa Xuân Quang H và Triệu Hữu Đ về nội dung trên nhưng Xuân Quang H và Triệu Hữu Đ đều giữ nguyên lời khai của mình. Căn cứ tài liệu điều tra thu thập được, ngoài lời khai của ông Triệu Hữu Đ không có tài liệu, chứng cứ khác chứng minh việc ông Đ đã đưa cho Xuân Quang H số tiền 9.500.000đ để học lái xe, ông Đ cũng không được đưa cho ông N số tiền 5.000.000đ để nhờ N nộp cho H. Do đó, không đủ căn cứ để xác định Xuân Quang H đã thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của ông Triệu Hữu Đ. Kết thúc điều tra xác định số tiền 1.000.000đ (Một triệu đồng) chỉ là tiền công H dạy phụ đạo cho ông Đ nên không xem xét xử lý trách nhiệm hình sự với Xuân Quang H.

2. Ngày 04/10/2019, ông Triệu Hữu M, sinh năm 1989, trú tại thôn K, xã Y, huyện C, tố giác Xuân Quang H có hành vi lừa đảo chiếm đoạt số tiền 9.500.000đ (*Chín triệu năm trăm nghìn đồng*), ông M nói đã đăng ký học lái xe ô tô hạng C và nộp tiền học phí cho Xuân Quang H số tiền 9.500.000đ (*Chín*

triệu năm trăm nghìn đồng) tại nhà ông Hoàng Văn N tại thôn K, xã Y, huyện C, khi nộp tiền có ông Hoàng Văn N, ông Triệu Hữu Đ, trú cùng thôn K, xã Y, huyện C chứng kiến. Ban đầu, ông Hoàng Văn N và ông Triệu Hữu Đ nói được chứng kiến việc ông M nộp số tiền 9.500.000đ cho Xuân Quang H tại nhà ông N và phù hợp với lời khai của ông M. Tuy nhiên, khi tổ chức đối chất giữa H Văn N, Triệu Hữu Mai và Xuân Quang H thì ông Mai đã thay đổi lời khai là ông M trực tiếp đưa số tiền 9.500.000đ cho N để nhờ ông N nộp cho H, việc ông N có nộp tiền cho H hay không thì ông M không biết và sau đó nghe N nói L là đã nộp tiền cho H; H Văn N cũng thay đổi lời khai là không được chứng kiến việc ông M đưa tiền cho Xuân Quang H tại nhà mình và được nhận số tiền 9.500.000đ của ông M tại nhà mình để đưa cho H, khi N đưa số tiền trên cho H thì không ai chứng kiến; Triệu Hữu Đ giữ nguyên lời khai nhìn thấy ông M đưa tiền cho Xuân Quang H tại nhà H Văn N. Xuân Quang H khai nhận: Khoảng tháng 8/2019, khi H nhận hồ sơ và dạy lái xe tại UBND xã L, huyện N thì Triệu Hữu M lúc đó đã đăng ký học lái xe ô tô tại trường nghề Thái Hà, tỉnh Thái Nguyên nhưng do thực hành lùi xe kém, nên đã nhờ H phụ đạo thêm để thi thực hành lái xe và được H đồng ý, nhưng H chưa được nhận tiền công của Triệu Hữu M. Cơ quan điều tra tiến hành đối chất giữa Xuân Quang H và Triệu Hữu M về nội dung trên, nhưng H và M giữ nguyên lời khai.

Căn cứ tài liệu điều tra thu thập được, ngoài lời khai của Triệu Hữu M thì không có tài liệu, chứng cứ khác chứng minh việc ông M đã đưa số tiền 9.500.000đ cho ông N để nhờ nộp cho H, không có tài liệu chứng minh việc ông N đưa số tiền của M cho H. Do đó, không đủ căn cứ để xác định Xuân Quang H đã thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản của ông Triệu Hữu M.

3- Ngày 04/10/2019, ông H Văn T, sinh năm 1983, trú tại thôn K, xã L, huyện N tố giác Xuân Quang H có hành vi lừa đảo chiếm đoạt số tiền 9.500.000đ (*Chín triệu năm trăm nghìn đồng*), ông Tiếp nói: Ngày 27/7/2019 ông Tiếp đi sang nhà ông Dương Văn T, sinh năm 1981, trú tại thôn L, xã Q, huyện C thì gặp Xuân Quang H và được H giới thiệu là giáo viên dạy lái xe ô tô, hiện đang mở lớp dạy lái xe tại xã Y, huyện C. Do có nhu cầu học B lái xe ô tô nên ông Tiếp đồng ý đăng ký tham gia học B lái xe ô tô hạng C với H, ngày 28/7/2019, ông Tiếp đi xe mô tô ra khu vực cầu thuộc xã Yên Đĩnh (nay là thị trấn Đ), huyện C gặp và đưa cho H số tiền 9.500.000đ, không có ai chứng kiến. Sau đó, ông Tiếp được H dạy lái xe ô tô khoảng 05 buổi, H khai: Được nhận hồ sơ và phụ đạo lái xe cho Hoàng Văn T nhưng không được nhận tiền của T, qua đối chất giữa ông T và H vẫn giữ nguyên lời khai của mình. Căn cứ tài liệu điều tra thu thập được, ngoài lời khai của ông Hoàng Văn Tiếp thì không có tài liệu, chứng cứ khác chứng minh việc ông T đã đưa số tiền 9.500.000đ cho Xuân Quang H. Do đó, không đủ căn cứ để xác định Xuân Quang H đã thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của ông Hoàng Văn T. Ngoài ra, trong quá trình học lái xe ông T có cho Xuân Quang H vay số tiền 20.000.000đ (*Hai mươi triệu đồng*) đến nay chưa trả L. H thừa nhận được vay số tiền 20.000.000đ của ông T và đã trả L cho ông T. Qua điều tra xác định việc vay mượn tiền là thỏa thuận

dân sự và không liên quan đến vụ án, do đó Cơ quan điều tra không xem xét xử lý là phù hợp.

Quá trình điều tra, Xuân Quang H khai: Để nhận được nhiều hồ sơ đăng ký học lái xe, H có nhờ các ông: Lưu Văn D - Phó Chủ tịch UBND xã Q, huyện C; Hoa Văn K - Phó Trưởng Công an xã L, huyện N; Vũ Văn Nhật - Hiệu trưởng trường Trung học cơ sở xã C, huyện C đứng ra tổ chức mời, nhận hồ sơ của những người có nhu cầu học lái xe, H chỉ có vai trò dạy lái xe, thu tiền học phí và nộp hồ sơ về các cơ sở đào tạo lái xe tại tỉnh Thái Nguyên. Qua điều tra xác định các ông D, K, Nhật chỉ được đăng ký học lái xe ô tô và nộp học phí cho Xuân Quang H, không tham gia vận động, nhận hồ sơ của những người có nhu cầu học lái xe ô tô như H khai. Tiến hành đối chất giữa các ông D, K, N với Xuân Quang H, các ông D, K, N và Xuân Quang H đều giữ nguyên lời khai của mình. Do vậy Cơ quan điều tra không xem xét xử lý trách nhiệm của các ông Lưu Văn D, Hoa Văn K và Vũ Văn N là có căn cứ.

Đối với 13 (mười ba) bị hại gồm Hoàng Chu B, Dương Văn K, Ma Văn S, Dương Văn B, Lưu Văn D, Phạm Văn H, Dương Văn T, Dương Văn T1, Nguyễn Ngọc K, Ninh Văn D, Ninh Văn L, Lương Đình Đ và Lê Thị N có giao nộp cho Cơ quan điều tra 13 (mười ba) phiếu thu viết tay (bản in chữ giấy than) và nói các phiếu thu trên do H đưa cho các bị hại khi nộp tiền học phí. Qua điều tra xác định, Xuân Quang H sau khi nhận tiền và hồ sơ của những người đăng ký học, H đã đưa hồ sơ và tiền nộp cho một người đàn ông tên là Nguyễn Mạnh H tại T phố Hà Nội (không biết tuổi và địa chỉ cụ thể của H). Cơ quan điều tra đã xác minh nH không xác định được người đàn ông tên Nguyễn Mạnh H là ai, ở đâu, nên không xác định được 13 phiếu thu đó do tổ chức, cá nhân nào thu tiền và viết phiếu. Cơ quan điều tra đã ra Quyết định trưng cầu chữ viết, chữ ký trong 13 tờ phiếu thu với chữ viết, chữ ký của Xuân Quang H. Kết quả giám định: các chữ viết, chữ ký trong 13 tờ phiếu thu so với chữ viết, chữ ký của Xuân Quang H không phải do cùng một người viết ra. Do đó, không đủ căn cứ chứng minh số tiền ghi trên các phiếu thu là số tiền thực tế các bị hại đã nộp cho Xuân Quang H làm căn cứ xử lý.

Đối với 01 chiếc xe ô tô nhãn hiệu MeKong, biển kiểm soát 14L-2524 Xuân Quang H sử dụng để dạy lái xe tại huyện N và huyện C. H khai mua tại một quán bán xe ô tô cũ tại ngã ba thuộc phường T, Thành phố T (không nhớ địa chỉ cụ thể) nên không đủ căn cứ để xác minh. Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Bắc Kạn đã ủy thác điều tra cho Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Quảng Ninh xác minh làm rõ nguồn gốc của chiếc xe trên. Kết quả: chiếc xe ô tô được đăng ký ban đầu bởi công ty cổ phần than H – KTV có địa chỉ tại phường H, Thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh từ trước năm 2004, sau đó ngày 16/6/2004 Công ty cổ phần than H bán chiếc xe cho Xí nghiệp sản xuất hàng tiêu dùng và bơi trơn 12-11 thuộc Công ty vận tải và xếp dỡ có địa chỉ tại phường C, Thành phố C, tỉnh Quảng Ninh. Năm 2015, Công ty vận tải xếp dỡ đổi tên, sát nhập một số bộ phận, chuyển trụ sở nên không tìm thấy tài liệu liên quan đến chiếc xe ô tô biển kiểm soát 14L-2524. Ngày 19/8/2020, Tòa án nhân dân huyện S, tỉnh Tuyên

Quang đưa vụ án ra Lừa đảo chiếm đoạt tài sản ra xét xử sơ thẩm đã tuyên trả chiếc xe 14L-2524 cho Xuân Việt B là em trai Xuân Quang H.

Đối với 02 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu IPHONE, Xuân Quang H sử dụng để liên lạc, chụp ảnh các bị hại trong quá trình thực hiện hành vi lừa đảo tại huyện N và huyện C, Cơ quan CSĐT Công an huyện S, tỉnh Tuyên Quang đã tạm giữ, ngày 19/8/2020, Tòa án nhân dân huyện S, tỉnh Tuyên Quang đã tuyên trả L cho Xuân Quang H. Cơ quan điều tra đã phối hợp kiểm tra 02 chiếc điện thoại trên nhưng không phát hiện các nội dung có liên quan đến vụ án.

[9] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Bị cáo Xuân Quang H phạm tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”.

2. Áp dụng, xử phạt:

- Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 174; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 54/Bộ luật hình sự năm 2015. Xử phạt bị cáo Xuân Quang H 5 (năm) năm tù.

- Áp dụng Điều 56/Bộ luật hình sự năm 2015, tổng hợp với hình phạt 5 (năm) năm tù về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” của Bản án hình sự phúc thẩm số 35/2020/HSPT ngày 23/11/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Tuyên Quang, buộc bị cáo Xuân Quang H phải chấp hành hình phạt chung của cả 02 bản án là 10 (mười) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam 23/9/2019.

3. Trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 Bộ luật hình sự năm 2015, các Điều 584, 585, 586 và 589/Bộ luật dân sự năm 2015:

Buộc bị cáo Xuân Quang H phải bồi thường tổng số tiền **96.500.000** đồng (*Chín mươi sáu triệu năm trăm nghìn đồng*) cho các bị hại với số tiền cụ thể như sau:

1. Ông Nguyễn Anh T 8.000.000 đồng (*Tám triệu đồng*).
2. Ông Lý Ngọc T 9.500.000 đồng (*Chín triệu năm trăm nghìn đồng*)
3. Ông Nguyễn Ngọc K 9.000.000 đồng (*Chín triệu đồng*)
4. Ông Ma Văn S 6.500.000 đồng (*Sáu triệu năm trăm nghìn đồng*)
5. Ông Dương Văn B 6.500.000 đồng (*Sáu triệu năm trăm nghìn đồng*).
6. Ông Dương Văn K 4.000.000 đồng (*Bốn triệu đồng*).
7. Ông Hoàng Văn S 6.500.000 đồng (*Sáu triệu năm trăm nghìn đồng*).
8. Bà Lương Thị T 6.500.000 đồng (*Sáu triệu năm trăm nghìn đồng*).
9. Ông Lưu Văn L 2.500.000 đồng (*Hai triệu năm trăm nghìn đồng*).

10. Ông Ma Văn T 4.500.000 đồng (*Bốn triệu năm trăm nghìn đồng*).
11. Ông Hoàng Văn N 9.500.000 đồng (*Chín triệu năm trăm nghìn đồng*).
12. Ông Triệu Sinh L 4.500.000 đồng (*Bốn triệu năm trăm nghìn đồng*).
13. Ông Lưu Văn D 2.000.000 đồng (*Hai triệu đồng*).
14. Bà Triệu Thị T 500.000 đồng (*Năm trăm nghìn đồng*).
15. Ông Ma Văn B 500.000 đồng (*Năm trăm nghìn đồng*).
16. Ông Ma Văn H 500.000 đồng (*Năm trăm nghìn đồng*).
17. Ông Hoàng Văn N1 500.000 đồng (*Năm trăm nghìn đồng*).
18. Ông Dương Văn T 2.000.000 đồng (*Hai triệu đồng*).
19. Ông Triệu Hữu T 1.000.000 đồng (*Một triệu đồng*).
20. Ông Lương Văn L 1.000.000 đồng (*Một triệu đồng*).
21. Ông Bùi Sỹ T 1.000.000 đồng (*Một triệu đồng*).
22. Ông Lộc Văn T 1.000.000 đồng (*Một triệu đồng*).
23. Ông Trung Văn N 1.000.000 đồng (*Một triệu đồng*).
24. Ông Dương Văn C 1.000.000 đồng (*Một triệu đồng*).
25. Ông Ninh Văn D 500.000 đồng (*Năm trăm nghìn đồng*).
26. Ông Ninh Văn L 4.000.000 đồng (*Bốn triệu đồng*).
27. Ông H Văn C 1.000.000 đồng (*Một triệu đồng*).
28. Ông Hứa Văn N 1.500.000 đồng (*Một triệu năm trăm nghìn đồng*).

Việc thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 357/Bộ luật dân sự.

“1. Trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.

2. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên NH không được vượt quá mức lãi xuất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật này. Nếu không có thỏa thuận thì được thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật này”

Tạm giữ số tiền 11.000.000 đồng (*Mười một triệu đồng*) bị cáo đã nộp theo Biên lai thu tiền số 02097 ngày 20 tháng 5 năm 2021 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Kạn để đảm bảo thi hành án cho bị cáo.

4. Án phí: Áp dụng Điều 136/Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm án phí, lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Xuân Quang H phải chịu 200.000đ (*Hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm và 4.825.000 đồng (*Bốn triệu tám trăm hai mươi lăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5. Quyền kháng cáo:

Án xử công khai sơ thẩm bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày tuyên án. Người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ./.

Nơi nhận:

- Vụ GDKT 1 – TANDTC;
- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Bắc Kạn;
- Trại tạm giam CA tỉnh;
- Trại giam Quyết Tiến – Tuyên Quang;
- Phòng Hồ sơ CA tỉnh;
- Phòng Hình sự - Công an tỉnh;
- Cục THADS tỉnh Bắc Kạn;
- THAHS;
- Sở Tư pháp tỉnh Bắc kạn;
- Bị cáo (Qua TG Quyết Tiến);
- Người bị hại;
- Người CQLNVLQ;
- Lưu HS, VPS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vi Thị Tuyết Mai

CÁC HỘI THẨM

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Ngô Thị Hoanh – Đặng Thị Xuân

Vi Thị T Mai

